**CHƯƠNG I - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHĂN NUÔI**

Bài 1 Vai trò và triển vọng của chăn nuôi - sách kết nối tri thức.

**Câu 1:** Để phát triển chăn nuôi toàn diện, cần phải đa dạng hóa về:

###### A. Các loại vật nuôi, quy mô chăn nuôi

* B. Thức ăn chăn nuôi, cơ sở vật chất
* C. Quy mô chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi.
* D. Các loại vật nuôi, thức ăn chăn nuôi

**Câu 2:** Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành chăn nuôi?

* A. Chăn nuôi kết hợp với trồng trọt tạo ra nền nông nghiệp bền vững.
* B. Vật nuôi vốn là động vật hoang dã được con người thuần dưỡng,
* C. Chăn nuôi là ngành cổ xưa nhất của nhân loại hơn cả trồng trọt

###### D. Vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế hiện đại càng bị nhỏ lại.

**Câu 3:** Một trong những vai trò quan trọng của ngành chăn nuôi đối với đời sống con người là

* A. Cung cấp nguyên liệu để sản xuất ra các mặt hàng tiêu dùng.

###### B. Cung cấp nguồn thực phẩm có dinh dưỡng cao.

* C. Cung cấp nguồn gen quý hiếm.
* D. Cung cấp nguồn đạm động vật bổ dưỡng, dễ tiêu hóa, không gây béo phì.

**Câu 4:** Phát triển chăn nuôi góp phần tạo ra nền nông nghiệp bền vững vì

###### A. Chăn nuôi phát triển sẽ thúc đẩy nhanh trồng trọt phát triển và ngược lại.

* B. Sản phẩm chăn nuôi sẽ dần thay thế cho sản phẩm của trồng trọt.
* C. Chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng trọt.
* D. Chăn nuôi có nhiều vai trò hơn so với trồng trọt.

**Câu 5:** Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào nhân tố nào sau đây?

* A. Dịch vụ thú y.
* B. Thị trường tiêu thụ.

###### C. Cơ sở nguồn thức ăn.

* D. Giống gia súc, gia cầm.

**Câu 6:** Nhận định sau đây đúng với vai trò của ngành chăn nuôi đối với con người:

* A. Cung cấp nguồn lương thực bổ dưỡng cho con người.

###### B. Đảm bảo nâng cao dinh dưỡng trong bữa ăn hằng ngày.

* C. Cung cấp nhiên liệu cho công nghiệp chế biến.
* D. Là dược liệu, ít có giá trị xuất khẩu thu ngoại tệ.

**Câu 7:** Điểm khác nhau cơ bản trong ngành chăn nuôi giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển là

###### A. Các nước phát triển tỉ trọng ngành chăn nuôi trong giá trị sản lượng nông nghiệp cao.

* B. Các nước phát triển tỉ trọng ngành chăn nuôi trong giá trị sản lượng nông nghiệp thấp.
* C. Các nước phát triển có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành chăn nuôi.
* D. Các nước phát triển có ít điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành chăn nuôi

**Câu 8:** Điểm khác nhau cơ bản dễ nhận thấy nhất về chăn nuôi giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển là

###### A. Tỉ trọng trong cơ cấu giá trị sản lượng nông nghiệp.

* B. Cơ cấu ngành chăn nuôi.
* C. Phương pháp chăn nuôi.
* D. Điều kiện chăn nuôi.

**Câu 9:** Các nước đang phát triển ngành chăn nuôi chưa trở thành ngành chính là do:

* A. Thị trường tiêu thụ hạn chế
* B. Dịch vụ thú y, giống còn hạn chế

###### C. Cơ sở thức ăn không ổn định

* D. Lao động thiếu kinh nghiệm sản xuất.

**Câu 10:** Đâu không phải triển vọng của ngành chăn nuôi ở Việt Nam?

* A. Chăn nuôi hữu cơ

###### B. Phát triển chăn nuôi nông hộ

* C. Phát triển chăn nuôi trang trại
* D. Liên kết giữa các khâu chăn nuôi, giết mổ và phân phối

**Câu 11:** Nuôi gà có thể cung cấp những sản phẩm nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Sữa | 2. Trứng |
| 3. Thịt | 4. Sức kéo |
| 5. Phân hữu cơ | 6. Lông vũ. |

* A. 1, 2, 3, 5.

###### B. 2, 3, 5, 6.

* C. 2, 3, 4, 5.
* D. 1, 2, 5, 6.

**Câu 12:** Ý nào dưới đây không phải là triển vọng ngành chăn nuôi của nước ta?

* A. Sản xuất hàng hóa theo mô hình khép kín.
* B. Áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển bền vững.
* C. Tạo ra sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

###### D. Chăn nuôi bằng phương thức chăn thả hoàn toàn.

**Câu 13:** Đặc điểm cơ bản của nghề nhà chăn nuôi là?

###### A. Nghiên cứu về giống vật nuôi

* B. Chuẩn đoán, điều trị và tiêm phòng bệnh cho vật nuôi
* C. Tổ chức và thực hiện các hoạt động chăn nuôi
* D. Nghiên cứu và tư vấn để cải tiến các kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc cho thủy sản

**Câu 14:** Chăn nuôi là một phần thuộc lĩnh vực nào dưới đây?

* A. Công nghiệp.

###### B. Nông nghiệp.

* C. Thương mại.
* D. Dịch vụ.

**Câu 15:** Phát biểu nào dưới đây là không đúng về vai trò của chăn nuôi?

* A. Sản phẩm chăn nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, là nguồn cung cấp dinh dưỡng quan trọng cho con người.
* B. Phát triển chăn nuôi góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
* C. Chất thải vật nuôi là nguồn phân hữu cơ quan trọng, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trồng trọt.

###### D. Sản phẩm chăn nuôi là nguồn cung cấp lương thực chính cho con người.

**Câu 16:** Đối với những người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi, cần phải đáp ứng yêu cầu gì?

* A. Có kiến thức đầy đủ về đặc điểm sinh trưởng của vật nuôi, các phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi.
* B. Có kĩ năng nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi; kĩ năng sử dụng, bảo quản tốt các thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực chăn nuôi.
* C. Yêu thích động vật, có tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nghề, cần cù và đủ sức khoẻ để đáp ứng với yêu cầu của công việc chăn nuôi.

###### D. Cả 3 đáp án trên.

**Câu 17:** Theo em, chăn nuôi và trồng trọt có quan hệ với nhau như thế nào?

* A. Trồng trọt cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.
* B. Chăn nuôi cung cấp sức kéo, phân bón cho trồng trọt.

###### C. Cả A và B.

* D. Không có mối quan hệ, riêng biệt.

**Câu 18:** Đâu không phải sản phẩm của ngành chăn nuôi?

* A. Thịt gà
* B. Thịt bò

###### C. Sữa đậu nành

* D. Trứng vịt

**Câu 19:** Ứng dụng công nghệ trong quản lí vật nuôi có lợi ích gì?

* A. Theo dõi được hoạt động thường ngày của người lao động chăn nuôi
* B. Quản lí được đàn vật nuôi với quy mô nhỏ, số lượng vật nuôi ít.
* C. Nắm được tình trạng địa hình nơi đang chăn thả đàn vật nuôi

###### D. Theo dõi được tình trạng sức khỏe, chu kì sinh sản, … của vật nuôi.

**Câu 20:** Một trong những vai trò quan trọng của ngành chăn nuôi đối với đời sống con người là

* A. Cung cấp nguyên liệu để sản xuất ra các mặt hàng tiêu dùng.

###### B. Cung cấp nguồn thực phẩm có dinh dưỡng cao.

* C. Cung cấp nguồn gen quý hiếm.
* D. Cung cấp nguồn đạm động vật bổ dưỡng, dễ tiêu hóa, không gây béo phì.

Bài 2 Vật nuôi và phương thức chăn nuôi

**Câu 1:** Những loại vật nuôi nào phù hợp với phương thức nuôi công nghiệp?

###### A. Gà, vịt, lợn

* B. Trâu, bò
* C. Ong
* D. Cừu, dê

**Câu 2:** Trâu và bò đều có đặc điểm phân bố gắn với các đồng cỏ tươi tốt, nhưng trâu lại khác với bò là

* A. Phân bố ở những nước có khí hậu nhiệt đới khô hạn.

###### B. Phân bố ở những nước có khí hậu nhiệt đới ẩm.

* C. Phân bố ở những nước có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt.
* D. Phân bố ở những nước có khí hậu lạnh giá.

**Câu 3:** Loại vật nuôi có mặt ở khắp nơi trên thế giới là

###### A. Gà.

* B. Lợn.
* C. Cừu.
* D. Bò.

**Câu 4:** Ý nào dưới đây là phù hợp nhất để mô tả phương thức nuôi bán công nghiệp (bán chăn thả)?

###### A. Là dạng kết hợp của nuôi chăn thả tự do và nuôi công nghiệp.

* B. Là phương thức chăn nuôi chỉ áp dụng cho gia súc.
* C. Là phương thức chăn nuôi chỉ áp dụng cho gia cầm.
* D. Là phương thức chăn nuôi ghép nhiều loại gia súc, gia cầm.

**Câu 5:** Đây là phương thức chăn nuôi nào?

* A. Chăn thả
* B. Nuôi nhốt

###### C. Bán chăn thả

* D. Đáp án khác

**Câu 6:** Phương thức chăn thả gia súc thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

###### A. Đồng cỏ tự nhiên.

* B. Cây thức ăn cho gia súc.
* C. Hoa màu, lương thực.
* D. Chế biến tổng hợp.

**Câu 7:** Phương thức chăn nuôi nửa chuồng trại và chuồng trại thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

* A. Đồng cỏ tự nhiên.
* B. Diện tích mặt nước,

###### C. Hoa màu, lương thực.

* D. Chế biến tổng hợp

**Câu 8:** Các phương thức chăn nuôi chủ yếu ở nước ta là:

* A. Chăn thả, chăn nuôi truyền thống, bán chăn thả

###### B. Chăn thả, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi bán công nghiệp

* C. Chăn nuôi nông hộ, nuôi nhốt, bán chăn thả
* D. Chăn thả, nuôi nhốt, chăn nuôi truyền thống

**Câu 9:** Ngoài các đồng cỏ tự nhiên, phần lớn thức ăn của ngành chăn nuôi hiện nay là do

###### A. Ngành trồng trọt cung cấp.

* B. Ngành thủy sản cung cấp.
* C. Công nghiệp chế biến cung cấp.
* D. Ngành lâm nghiệp cung cấp.

**Câu 10:** Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi đã có những tiến bộ vượt bậc là nhờ vào

* A. Lực lượng lao động dồi dào.

###### B. Thành tựu khoa học kĩ thuật.

* C. Sự thuận lợi của điều kiện tự nhiên.
* D. Kinh nghiệm sản xuất của con người.

**Câu 11:** Phương thức chăn nuôi công nghiệp thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

* A. Đồng cỏ tự nhiên.
* B. Cây thức ăn cho gia súc.
* C. Hoa màu, lương thực.

###### D. Chế biến tổng hợp.

**Câu 12:** Có mấy phương thức chăn nuôi phổ biến?

* A. 1

###### B. 3

* C. 2
* D. 4

**Câu 13:** Biểu hiện nào sau đây không đúng với những tiến bộ của cơ sở thức ăn cho chăn nuôi hiện nay?

* A. Các đồng cỏ ở tự nhiên được cải tạo.
* B. Đồng cỏ trồng giống có năng suất cao.
* C. Nhiều thức ăn chế biến từ công nghiệp.

###### D. Diện tích mặt nước nuôi trồng tăng lên

**Câu 14:** Phát biểu nào sau đây không đúng với sự thay đổi của ngành chăn nuôi trong nền công nghiệp hiện đại?

* A Từ chăn thả sang nửa chuồng trại rồi chuồng trại.
* B. Từ nửa chuồng trại đến công nghiệp
* C. Từ đa canh, độc canh tiến đến chuyên môn hoá.

###### D. Từ lấy thịt, sữa, trứng đến lấy sức kéo, phân bón.

**Câu 15:** Phương thức chăn nuôi bán chăn thả có đặc điểm gì?

* A. Vật nuôi đi lại tự do, không có chuồng trại
* B. Vật nuôi tự kiếm thức ăn có trong tự nhiên

###### C. Vật nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp kết hợp thức ăn tự tìm kiếm

* D. Vật nuôi chỉ sử dụng thức ăn, nước uống do người chăn nuôi cung cấp.

**Câu 16:** Loại nào sau đây thuộc gia súc nhỏ?

* A. Bò.
* B. Trâu.
* C. Gà.

###### D. Dê.

**Câu 17:** Ý nào dưới đây là không phù hợp để mô tả phương thức nuôi chăn thả tự do?

* A. Con vật có thể đi lại tự do, tự kiếm thức ăn.
* B. Có mức dầu tư thấp, tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên.
* C. Cho năng suất thấp và khó kiểm soát dịch bênh.

###### D. Con vật được nuôi trong chuồng kết hợp với chăn thả.

**Câu 18:** Phần lớn thức ăn của ngành chăn nuôi đều lấy từ nguồn nào sau đây?

###### A. Tự nhiên.

###### B. Trồng trọt.

* C. Công nghiệp.
* D. Thuỷ sản.

**Câu 19:** Những nước nào sau đây sản xuất nhiều thịt và sữa bò nhất trên thế giới là

* A. Hoa Kì, Thái Lan, Trung Quốc, Ac-hen-ti-na.
* B. Hoa Kì, Ấn Độ, Trung Quốc, Ac-hen-ti-na.

###### C. Hoa Kì, Bra-xin, Trung Quốc, Ac-hen-ti-na.

* D. Hoa Kì, Mê-hi-cô, Trung Quốc, Ac-hen-ti-na.

**Câu 20:** Đây là phương thức chăn nuôi nào?

* A. Chăn thả

###### B. Nuôi nhốt

* C. Bán chăn thả
* D. Đáp án khác

### CHƯƠNG II - CÔNG NGHỆ GIỐNG VẬT NUÔI

Bài 3 Khái niệm, vai trò của giống trong chăn nuôi - sách kết nối tri thức.

**Câu 1:** Ý nào đúng nhất khi nói về giống vật nuôi là gì?

###### A. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

* B. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người
* C. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng nguồn gốc, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người
* D. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người

**Câu 2:** Có mấy cách để phân loại giống vật nuôi

* A. 1
* B. 2

###### C. 3

* D. 4

**Câu 3:** Đâu không phải cách để phân loại giống vật nuôi

* A. Dựa vào nguồn gốc
* B. Dựa vào mức độ hoàn thiện
* C. Dựa vào mục đích khai thác

###### D. Dựa vào giới tính

**Câu 4:** Điều kiện để công nhận giống vật nuôi là

* A. Phải có chung nguồn gốc, số lượng vật nuôi đủ lớn, phân bố rộng.
* B. Có ngoại hình, năng suất giống nhau, có tính di truyền ổn đinh.
* C. Được Hội đồng Giống Quốc gia công nhận

###### D. Cả A, B, C

**Câu 5:** Giống vật nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?

* A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.
* B. Giống vật nuôi quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

###### C. Cả A và B đều đúng.

* D. Cả A và B đều sai.

**Câu 6:** Có mấy điều kiện để được công nhận là một giống vật nuôi?

* A. 4
* B. 3
* C. 6

###### D. 5

**Câu 7:** Tầm quan trọng của giống đối với năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi là:

###### A. Giống là yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng, sữa,...)

* B. Giống là yếu tố ít quan trọng đến chất lượng các sản phẩm chăn nuôi
* C. Giống không ảnh hưởng đến khả năng thích nghi và hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi.
* D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 8:** Năng suất sữa của giống Bò Hà Lan là:

* A. 3500 – 4000 kg/chu kì ngày tiết sữa/con
* B. 1400 – 2100 kg/chu kì ngày tiết sữa/con

###### C. 5500 – 6000 kg/chu kì ngày tiết sữa/con

* D. 5000 – 5500 kg/chu kì ngày tiết sữa/con

**Câu 9:** Đặc điểm của trâu Việt Nam là:

* A. Lông màu vàng và mịn, da mỏng
* B. Lông loang trắng đen, cho sản lượng sữa cao
* C. Lông vàng hoặc nâu, vai u

###### D. Lông, da màu đen xám, tai mọc ngang.

**Câu 10:** Đâu là đặc điểm của giống gà Ri

###### A. Giống gà có hình dáng nhỏ bé, lông vàng nhạt hoặc nâu, thỉnh thoảng có đốm đen ở khu vực cổ hoặc lưng.

* B. Giống gà có cặp chân to và thô, tầm vóc lớn, khối lượng trứng to.
* C. Có tầm vóc lo lớn, xương to, cơ bắp phát triển, chân cao và to khoẻ, có cựa ngắn hoặc không có, lớp biểu bì hoá sừng ở cẳng chân dày và cứng.
* D. Bộ lông trắng không mượt nhưng toàn bộ da, mắt, thịt, chân và xương đều đen, chân có 5 ngón.

**Câu 11:** Đâu là đặc điểm của giống gà Ác

* A. Giống gà có hình dáng nhỏ bé, lông vàng nhạt hoặc nâu, thỉnh thoảng có đốm đen ở khu vực cổ hoặc lưng.
* B. Giống gà có cặp chân to và thô, tầm vóc lớn, khối lượng trứng to.
* C. Có tầm vóc lo lớn, xương to, cơ bắp phát triển, chân cao và to khoẻ, có cựa ngắn hoặc không có, lớp biểu bì hoá sừng ở cẳng chân dày và cứng.

###### D. Bộ lông trắng không mượt nhưng toàn bộ da, mắt, thịt, chân và xương đều đen, chân có 5 ngón.

**Câu 12:** Năng suất trứng của giống gà Ri là

* A. 250 - 280 quả/mái/năm
* B. 60 - 70 quả/mái/năm

###### C. 90 - 120 quả/mái/năm

* D. 160 - 220 quả/mái/năm

**Câu 13:** Năng suất trứng của giống gà Mía là

* A. 250 - 280 quả/mái/năm

###### B. 60 - 70 quả/mái/năm

* C. 90 - 120 quả/mái/năm
* D. 160 - 220 quả/mái/năm

**Câu 14:** Năng suất trứng của giống gà Leghorn là

* A. 250 - 280 quả/mái/năm
* B. 60 - 70 quả/mái/năm
* C. 90 - 120 quả/mái/năm

###### D. 160 - 220 quả/mái/năm

**Câu 15:** Đặc điểm của Lợn Móng cái là:

###### A. Lông đen pha lẫn trắng hoặc hồng, lưng dài, rộng và hơi võng xuống.

* B. Màu trắng, tai to rủ xuống trước mặt, tỉ lệ lạc cao
* C. Thân dài, da màu trắng, tai dựng lên, có tỉ lệ lạc cao
* D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 16:** Đặc điểm của bò sữa Hà Lan là:

1. A. Lông màu vàng và mịn, da mỏng

###### B. Lông loang trắng đen, cho sản lượng sữa cao

1. C. Lông vàng hoặc nâu, vai u
2. D. Lông, da màu đen xám, tai mọc ngang.

**Câu 17:** Đặc điểm của Lợn Yorkshire là:

* A. Lông đen pha lẫn trắng hoặc hồng, lưng dài, rộng và hơi võng xuống.
* B. Màu trắng, tai to rủ xuống trước mặt, tỉ lệ lạc cao

###### C. Thân dài, da màu trắng, tai dựng lên, có tỉ lệ lạc cao

* D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 19:** Đặc điểm của bò vàng Việt Nam là:

###### A. Lông màu vàng và mịn, da mỏng

* B. Lông loang trắng đen, cho sản lượng sữa cao
* C. Lông vàng hoặc nâu, vai u
* D. Lông, da màu đen xám, tai mọc ngang.

**Câu 20:** Đặc điểm của bò lai Sind là:

* A. Lông màu vàng và mịn, da mỏng
* B. Lông loang trắng đen, cho sản lượng sữa cao

###### C. Lông vàng hoặc nâu, vai u

* D. Lông, da màu đen xám, tai mọc ngang.

Bài 4 Chọn giống vật nuôi - sách kết nối tri thức.

**Câu 1:** Chọn giống vật nuôi là gì?

* A. Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt, phù hợp với mục đích của chăn nuôi
* B. Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt, thải loại các cá thể không đạt yêu cầu
* C. Chọn giống vật nuôi là lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt phù hợp với mong muốn của người chọn giống

###### D. A, B, C đều đúng

**Câu 2:** Có mấy chỉ tiêu cơ bản để chọn giống vật nuôi là

* A. 5.
* B. 6.
* C. 3.

###### D. 4.

**Câu 3:** Có mấy điều kiện để được công nhận là một giống vật nuôi?

###### A. 4

* B. 3
* C. 6
* D. 5

**Câu 4:** Các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá chọn lọc vật nuôi là:

* A. Ngoại hình thể chất, Khả năng sinh trưởng và phát dục, Chu kỳ động dục

###### B. Ngoại hình thể chất, Khả năng sinh trưởng và phát dục, Sức sản xuất

* C. Ngoại hình thể chất, Chu kỳ động dục, Sức sản xuất
* D. Tất cả đều sai

**Câu 5:** Sức sản xuất của vật nuôi có thể là:

* A. Khả năng tiêu tốn thức ăn
* B. Tốc độ tăng khối lượng cơ thể.
* C. Tốc độ phát triển hoàn thiện.

###### D. Khả năng sinh sản.

**Câu 6:** Giống vật nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?

* A. Giống vật nuôi quyết định đến năng suất chăn nuôi.
* B. Giống vật nuôi quyết định đến chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

###### C. Cả A và B đều đúng.

* D. Cả A và B đều sai.

**Câu 7:** Chọn phát biểu không đúng về thể chất của vật nuôi:

###### A. Thể chất được đánh giá dựa vào tốc độ tăng khối lượng cơ thể

* B. Thể chất là chất lượng bên trong cơ thể vật nuôi
* C. Thể chất có liên quan đến sức sản xuất và khả năng thích nghi với điều kiện môi trường sống của vật nuôi
* D. Thể chất được hình thành bở tính di truyền và điều kiện phát triển cá thể của vật nuôi

**Câu 8:** Có mấy phương pháp phổ biến chọn giống vật nuôi

* A. 1

###### B. 2

* C. 3
* D. 4

**Câu 9:** Thế nào là chọn lọc hàng loạt?

###### A. Chọn lọc hàng loạt là dựa vào ngoại hình, các chỉ tiêu về khả năng sản xuất của đàn vật nuôi để chọn ra những các thể tốt nhất phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống

* B.  Chọn lọc hàng loạt là chỉ dựa vào ngoại hình để chọn ra những các thể tốt nhất phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống
* C.  Chọn lọc hàng loạt là chỉ dựa vào chỉ tiêu về khả năng sản xuất của đàn vật nuôi để chọn ra những các thể tốt nhất phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống
* D.  Chọn lọc hàng loạt là dựa vào gen của đàn vật nuôi để chọn ra những các thể tốt nhất phù hợp với mục tiêu chọn lọc để làm giống

**Câu 10:** Phương pháp chọn lọc hàng loạt có mấy bước?

* A. 2

###### B. 3

* C. 4
* D. 5

**Câu 11:** Phương pháp chọn lọc cá thể có mấy bước?

* A. 2

###### B. 3

* C. 4
* D. 5

**Câu 12:** Đâu là ưu điểm của chọn lọc cá thể

* A. Giống được sử dụng trong thời gian dài
* B.Hiệu quả chọn lọc cao

###### C. Cả A, B đúng

* D. Cả A, B sai

**Câu 13:** Đặc điểm của chọn lọc hàng loạt là:

###### A. Nhanh gọn.

* B. Tốn kém.
* C. Khó thực hiện.
* D. Sử dụng để chọn gia cầm đực sinh sản.

**Câu 14:** Đâu không phải nhược điểm của chọn lọc hàng loạt

* A. Hiệu quả chọn lọc không cao
* B. Hiệu quả chọn lọc không ổn định

###### C. Tốn thời gian

**Câu 15:** Mục tiêu của chọn lọc bản thân là:

###### A. Đánh giá ngoại hình, thể chất con vật.

* B. Đánh giá nguồn gốc của con vật.
* C. Đáp án A hoặc đáp án B
* D. Đáp án A và đáp án B

**Câu 16:** Tỉ lệ mỡ trong sữa của giống bò Sin là:

* A. 7,9%
* B. 3,8 – 4%

###### C. 4 – 4,5%

* D. 5%

**Câu 17:** Để được công nhận là một giống gia cầm thì số lượng cần phải có khoảng bao nhiêu con?

* A. 40.000 con.
* B. 20.000 con.
* C. 30.000 con.

###### D. 10.000 con.

**Câu 18:** Giống lợn Đại Bạch là giống được phân loại theo hình thức:

* A. Theo địa lý.
* B. Theo hình thái, ngoại hình.
* C. Theo mức độ hoàn thiện của giống.

###### D. Theo hướng sản xuất.

**Câu 19:** Giống bò vàng Nghệ An là giống được phân loại theo hình thức:

###### A. Theo địa lý.

* B. Theo hình thái, ngoại hình.
* C. Theo mức độ hoàn thiện của giống.
* D. Theo hướng sản xuất.

**Câu 20:** Giống Lợn Lan đơ rát thuộc giống lợn theo hướng sản xuất nào?

* A. Giống kiêm dụng.
* B. Giống lợn hướng mỡ.

###### C. Giống lợn hướng nạc.

* D. Tất cả đều sai

Bài 5 Nhân giống vật nuôi - sách kết nối tri thức

Bài 6 Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống vật nuôi

**Câu 1:**  Các công nghệ sinh học được ứng dụng trong nhân giống vật nuôi bao gồm?

###### A. Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, nhân bản vô tính.

* B. Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, nuôi cấy gen
* C. Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, nhân bản gen
* D. Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, cấy truyền ADN.

**Câu 2:**  Lai giống là gì?

* A. là phương pháp dùng những cá thể đực và cá thể cái của cùng một giống cho giao phối với nhau để tạo ra thế hệ con chỉ mang những đặc điểm của một giống ban đầu duy nhất
* B. là phương pháp thụ tinh nhân tạo từ trứng và tinh trùng của vật nuôi cùng một giống

###### C. là phương pháp dùng những cá thể đực và cá thể cái khác giống cho giao phối với nhau để tạo ra con lai mang đặc điểm di truyền mới tốt hơn của bố mẹ.

* D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 3:** Có bao nhiêu công nghệ sinh học được áp dụng trong nhân giống vật nuôi.

###### A. 4

* B. 3
* C. 1
* D. 2

**Câu 4:** Nhân giống vật nuôi gồm 2 phương pháp:

###### A. nhân giống thuần chủng và lai giống

* B. lai xa và lai cải tạo
* C. thụ tinh nhân tạo và thụ tinh trong ống nghiệm
* D. Có nhiều hơn 2 phương pháp

**Câu 5:** Lai cải tạo là gì ?

* A. là phương pháp lai giữa các cá thể giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.

###### B. là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn

* C. là phương pháp lai khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến
* D. đáp án khác

**Câu 6:** Thụ tinh nhân tạo là gì?

* A. là quá trình trứng và tinh trùng được kết hợp với nhau trong môi trường ống nghiệm.

###### B. là công nghệ hỗ trợ sinh sản bằng cách lấy tinh dịch từ con đực để pha loãng và bơm vào đường sinh dục của con cái.

* C. là quá trình đưa phôi từ các thể cái này vào cá thể cái khác, phôi vẫn sống và phát triển bình thường trong cơ thể nhận phôi
* D. là việc sử dụng kĩ thuật nhân bản từ tế bào sinh dưỡng để tạo ra vật nuôi

**Câu 7:** Trong các ý sau, hãy chỉ ra mục đích của lai giống?

* A. Tăng số lượng cá thể của giống
* B. Bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng

###### C. nhận được ưu thế lai làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con, nhằm tăng hiệu quả chăn nuôi.

* D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống

**Câu 8:** Nhân giống thuần chủng là gì?

###### A. là phương pháp dùng những cá thể đực và cá thể cái của cùng một giống cho giao phối với nhau để tạo ra thế hệ con chỉ mang những đặc điểm của một giống ban đầu duy nhất

* B. là phương pháp dùng những cá thể đực và cá thể cái khác giống cho giao phối với nhau để tạo ra con lai mang đặc điểm di truyền mới của bố mẹ.
* C. là phương pháp thụ tinh nhân tạo từ trứng và tinh trùng của vật nuôi cùng một giống
* D. đáp án khác

**Câu 9:** Ý nào sau đây không phải mục đích của nhân giống thuần chủng?

###### A. nhận được ưu thế lai làm tăng sức sống, khả năng sản xuất ở đời con, nhằm tăng hiệu quả chăn nuôi.

* B. Tăng số lượng cá thể của giống
* C. Bảo tồn quỹ gen vật nuôi bản địa đang có nguy cơ tuyệt chủng
* D. Duy trì và cải tiến năng suất và chất lượng của giống

**Câu 10:** Lai kinh tế là gì ?

* A. là lai giữa các cá thể của hai loài khác nhau với mục đích tạo ra ưu thế lai với những đặc điểm tốt hơn bố mẹ.
* B. là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn
* C. là phương pháp lai khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến

###### D. là phương pháp lai giữa các cá thể khác giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.

**Câu 11:** Những đặc điểm nào sau đây là đặc điểm của của phương pháp lai cải tạo?

* A. Giống cần cải tạo chỉ dùng một lần đề tạo con lai F1
* B. Con lai F1 lai trở lại với giống đi cải tạo một hoặc nhiều lần, sau đó tiến hành kiểm tra, đánh giá các đặc điểm đang mong muốn cải tạo, chọn lọc những cá thể đạt yêu cầu.
* C. Giống cải tạo (con lai) mang rất ít đặc điểm của giống cần cải tạo và được bổ sung raasrt nhiều đặc điểm của giống đi cải tạo.

###### D. tất cả các đặc điểm trên

**Câu 12:** “Lai giữa gà trống Hồ với gà mái Lương Phượng để tạo ra con lai F1, sau đó con mái F1 được cho lai với con trống Mía để tạo ra con lai F2 (Mía x Hổ x Phượng) là giống gà thịt lông màu thả vườn”. đây là ví dụ về phương pháp lai nào?

###### A. Lai kinh tế phức tạp

* B. Lai kinh tế đơn giản
* C. Lai cải tiến
* D. lai thuần chủng

**Câu 13:** Lai cải tiến là gì ?

###### A. là phương pháp lai được sử dụng khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến

* B. là phương pháp lai giữa các cá thể giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.
* C. là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn
* D. đáp án khác

**Câu 14:** Lai xa là gì ?

* A. là phương pháp lai giữa các cá thể giống để tạo ra con lai có khả năng sản xuất cao hơn.
* B. là phương pháp lai khi mà vật nuôi chỉ có được một số đặc điểm tốt nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tạo để giống vật nuôi trở nên hoàn thiện hơn

###### C. là lai giữa các cá thể của hai loài khác nhau với mục đích tạo ra ưu thế lai với những đặc điểm tốt hơn bố mẹ.

* D. là phương pháp lai khi mà vật nuôi đã đáp ứng đủ nhu cầu nhưng vẫn còn một vài đặc điểm chưa tốt cần cải tiến

**Câu 15:** Những đặc điểm nào sau đây là ưu điểm của thụ tinh nhân tạo?

* A. Phổ biến những đặc điểm tốt của con đực giống cho đàn con
* B. giảm số lượng và kéo dài thời gian sử dụng đực giống

###### C. A và B đều đúng

* D. A và B đều sai

**Câu 16:** Giao phối thuần chủng cần tránh điều gì ?

* A. Duy trì đặc điểm tốt của giống

###### B. Giao phối cận huyết

* C. Tránh nhân giống quá nhiều
* D. Đáp án khác

**Câu 17:** “Lai giữa lợn đực ngoại Yorkshire với lợn cái Móng Cái để tạo ra con lai F1 có khả năng sinh trưởng nhanh, tỉ lệ nạc cao và thích nghi với điều kiện chăn nuôi của Việt Nam.” là ví dụ về phương pháp lai nào?

* A. Lai cải tiến
* B. Lai thuần chủng
* C. Lai kinh tế phức tạp

###### D. Lai kinh tế đơn giản

**Câu 18:** “Vịt Mulard là con lai được lai giữa ngan nhà và vịt nhà, tuy không có khả năng sinh sản nhưng có ưu thế lai siêu trội so với bố, mẹ như lớn nhanh, thịt thơm ngon hơn thịt vịt, tỉ lệ mỡ thấp” giống vật nuôi được nói trên là kết quả của phương pháp lai nào?

* A. lai cải tiến
* B. lai kinh tế
* C. lai thuần chủng

###### D. Lai xa

**Câu 19:** Các bước thụ tinh trong ống nghiệm ở bò

###### A. Hút tế bào trứng từ buồng trứng -> Nuôi để trứng phát triển và chín ->  Thụ tinh nhân tạo -> Nuôi hợp tử phát triển đến giai đoạn phôi dâu và phôi nang

* B. Hút tế bào trứng từ buồng trứng ->  Thụ tinh nhân tạo -> Nuôi hợp tử phát triển đến giai đoạn phôi dâu và phôi nang
* C. Nuôi để trứng phát triển và chín ->  Thụ tinh nhân tạo -> Nuôi hợp tử phát triển đến giai đoạn phôi dâu và phôi nang
* D. Hút tế bào trứng từ buồng trứng -> Nuôi để trứng phát triển và chín ->  Thụ tinh nhân tạo -> Nuôi hợp tử phát triển đến giai đoạn phôi nang

**Câu 20:** Các bước xác định giới tính phôi ở vật nuôi

* A. Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

###### B. Lấy mẫu từ phôi -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

* C. Lấy mẫu từ phôi -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.
* D. Lấy mẫu từ phôi  -> Khuếch đại DNA của mẫu phôi bằng PCR với mồi đặc hiệu -> Tách chiết DNA của mẫu phôi -> Điện di sản phẩm PCR -> Đối chiếu sản phẩm điện di để xác định giới tính.

### CHƯƠNG III - CÔNG NGHỆ THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Bài 7 Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi

**Câu 1:** Chọn phát biểu đúng.

* A. Nhu cầu duy trì là nhu cầu dinh dưỡng đảm bảo cho mọi hoạt động của vật nuôi ở mức tối thiểu, con vật không cho các sản phẩm, không nuôi thai, không tiết sữa hay phối giống, khối lượng cơ thể ổn định, quá trình trao đổi chất diễn ra bình thường.
* B. Nhu cầu sản xuất là nhu cầu dinh dưỡng cần cho vật nuôi tăng khối lượng cơ thể, nuôi thai và tạo ra các sản phẩm như thịt, trứng , sữa,…
* C. Cung cấp đủ nhu cầu dinh dưỡng sẽ giúp vật nuôi sinh trưởng và phát triển tốt

###### D. 3 phát biểu trên đều đúng

**Câu 2:** Nhu cầu Vitamin của vật nuôi phụ thuộc vào những yếu tố nào?

###### A. độ tuổi, tình trạng sinh lí, giai đoạn sản xuất và năng suất của vật nuôi

* B. giống loài, giai đoạn sinh trưởng
* C. độ tuổi, tình trạng sinh lí, giai đoạn sinh trưởng của vật nuôi
* D. giống loài, độ tuổi, năng suất của vật nuôi

**Câu 3:** Nhu cầu khoáng của vật nuôi bao gồm?

* A. Khoáng đa lượng
* B. Khoáng vi lượng
* C. A và B sai

###### D. Cả A và B đều đúng

**Câu 4:** Vai trò của khoáng trong cơ thể là?

###### A. tham gia cấu tạo tế bào, tham gia vào nhiều quá trình chuyển hóa trong cơ thể

* B. chất xúc tác trong quá trình trao đổi chất
* C. cung cấp năng lượng
* D. dự trữ năng lượng

**Câu 5:**  Tiêu chuẩn ăn của vật nuôi được biểu thị bằng :

###### A. Chỉ số dinh dưỡng

* B. Loại thức ăn
* C. Thức ăn tinh, thô
* D. Chất xơ, axit amin

**Câu 6:** Khẩu phần ăn là gì?

* A. là một hỗn hợp thức ăn cung cấp cho vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng

###### B. là một hỗn hợp thức ăn cung cấp cho vật nuôi nhằm thỏa mãn tiêu chuẩn ăn.

* C. là lượng thức ăn cho vật nuôi có đủ năng lượng hoạt động trong một ngày đêm
* D. là lượng thức ăn cho vật nuôi có đủ dinh dưỡng theo chế độ dinh dưỡng ở từng giai đoạn phát triển.

**Câu 7:** Đơn vị của khẩu phần ăn là gì?

* A. tỉ lệ % trong thức ăn hỗn hợp
* B. theo khối lượng (kg) trong một ngày đêm

###### C. A và B đều đúng

* D. A và B sai

**Câu 8:** Có mấy bước để xây dựng khẩu phần ăn cho vật nuôi?

* A. 7

###### B. 8

* C. 9
* D. 6

**Câu 9:** Tiêu chuẩn ăn là gì?

* A. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày

###### B. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong một ngày đêm

* C. là nhu cầu các chất dinh dưỡng của vật nuôi trong hai ngày đêm
* D. đáp án khác

**Câu 10:** Nhu cầu năng lượng của vật nuôi tùy thuộc vào những yếu tố nào?

* A. giai đoạn sinh trưởng và sức sản xuất
* B. loài, giống,

###### C. loài, giống, giai đoạn sinh trưởng và sức sản xuất

* D. sức sản xuất

**Câu 11:** Năng lượng trong thức ăn được tính bằng đơn vị?

* A. Volt.

###### B. Calo.

* C. Km.
* D. Kg.

**Câu 12:** Tác dụng của Vitamin là:

###### A. Điều hoà các quá trình trao đổi chất trong cơ thể.

* B. Tổng hợp các chất sinh học.
* C. Tái tạo mô.
* D. Tăng hấp thu chất dinh dưỡng.

**Câu 13:** Protein có tác dụng:

* A. Tổng hợp các hoạt chất sinh học
* B. Trao đổi chất
* C. Tính bằng UI
* D. Tổng hợp protit

**Câu 14:** Ví dụ nào thể hiện khẩu phần ăn của vật nuôi:

* A. Năng lượng 3000Kcalo
* B. P 13g, Vitamin A

###### C. Tấm 1.5kg, bột sắn 0.3 kg

* D. Fe 13g, NaCl 43g

**Câu 15:** Nhu cầu protein phụ thuộc vào những yếu tố nào?

* A. chỉ phụ thuộc vào giống loài

###### B. giống, giai đoạn sinh trưởng và sức sản xuất

* C. từng giai đoạn sinh trưởng
* D. đáp án khác

**Câu 16:** Nhu cầu Vitamin của vật nuôi phụ thuộc vào những yếu tố nào?

###### A. độ tuổi, tình trạng sinh lí, giai đoạn sản xuất và năng suất của vật nuôi

* B. giống loài, giai đoạn sinh trưởng
* C. độ tuổi, tình trạng sinh lí, giai đoạn sinh trưởng của vật nuôi
* D. giống loài, độ tuổi, năng suất của vật nuôi

**Câu 16:** Nội dung nào dưới đây là nội dung của tiêu chuẩn ăn của vật nuôi

* A. nhu cầu năng lượng
* B. nhu cầu protein và amino acid
* C. nhu cầu khoáng, nhu cầu vitamin

###### D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

**Câu 17:** Nhu cầu năng lượng của vật nuôi là gì

* A. được biểu thị bằng tỉ lệ % protein thô trong khẩu phần.

###### B. được biểu thị bằng Kcal của năng lượng tiêu hóa (DE) hoặc năng lượng trao đổi (ME) hoặc năng lượng thuần (NE) tính trong một ngày đêm

* C. Khoáng đa lượng và khoáng vi lượng
* D. đáp án khác

**Câu 18:** Có mấy nôi dung của tiêu chuẩn ăn?

* A. 1
* B. 2
* C. 3

###### D. 4

**Câu 19:** Đâu là nhóm thức ăn giàu protein cho vật nuôi?

* A. hạt ngũ cốc và các loại củ
* B. bột xương, bột vỏ sò, bột đá

###### C. bột cá, bột thịt, đậu tương, khô dầu đậu tương, khô dầu lạc…

* D. đáp án khác

**Câu 20:** Loại thức ăn nào cung cấp năng lượng cho vật nuôi ?

* A. Thóc gạo
* B. Ngô
* C. Cây khoai lang

###### D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Bài 8 Sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi

**Câu 1:** Quy trình sản xuất thức ăn từ vi sinh vật gồm mấy bước?

* A. 3

###### B. 4

* C. 5
* D. 6

**Câu 2:** Trong các loại thức ăn sau, thức ăn nào không phải là thức ăn thô?

* A. Cỏ khô.
* B. Bã mía.

###### C. Rau xanh.

* D. Rơm rạ.

**Câu 3:** Vai trò của thức ăn hỗn hợp:

* A. Tăng hiệu quả sử dụng.
* B. Tiết kiệm được nhân công.
* C. Giảm chi phí thức ăn, chi phí chế biến, bảo quản

###### D. Tất cả đều đúng

**Câu 4:** Bước đầu tiên trong quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp là gì ?

* A. Làm sạch nguyên liệu

###### B. Lựa chọn nguyên liệu chất lượng tốt

* C. Cân đo theo tỉ lệ.
* D. Sấy khô

**Câu 5:** Đặc điểm của thức ăn hỗn hợp là:

* A. Thức ăn được chế biến sẵn.
* B. Phối hợp nhiều loại nguyên liệu theo những công thức đã được tính toán.
* C. Đáp ứng nhu cầu của vật nuôi theo từng giai đoạn phát triển và mục đích sản xuất.

###### D. Cả 3 ý trên

**Câu 6:** Hạt đậu nành (đậu tương) sau khi làm chín sẽ giúp vật nuôi:

* A. Ăn ngon miệng hơn.

###### B. Tiêu hóa tốt hơn.

* C. Khử bỏ chất độc hại.
* D. Cả A, B và C đều sai.

**Câu 7:** Ứng dụng công nghệ vi sinh là gì ?

* A. Lợi dụng hoạt động của vi khuẩn
* B. Lợi dụng hoạt động của nấm men
* C. Lợi dụng hoạt động của các loại vi sinh vật có ích.

###### D. Đáp án B và C

**Câu 8:** Nguyên liệu để sản xuất thức ăn từ vi sinh vật là gì?

* A. Dầu mỏ
* B. Khí metan
* C. Phế liệu của nhà máy giấy

###### D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 9:** Quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp gồm mấy bước?

###### A. 5.

* B. 4.
* C. 3.
* D. 2.

**Câu 10:** Thức ăn nhiều tinh bột đem ủ với men rượu sẽ giúp cho vật nuôi:

###### A. Ăn ngon miệng hơn.

* B. Tiêu hóa tốt hơn.
* C. Khử bỏ chất độc hại.
* D. Cả A, B và C đều sai.

**Câu 11:** Đặc điểm nào không phải của thức ăn tinh:

* A. Hàm lượng các chất dinh dưỡng cao.
* B. Được sử dụng nhiều trong khẩu phần của lợn, gia cầm

###### C. Chứa hầu hết các chất dinh dưỡng cần thiết cho động vật ăn cỏ

* D. Gồm thức ăn giàu năng lượng và thức ăn giàu protein

**Câu 12:** Loại thức ăn tinh nào được sử dụng chế biến thức ăn chăn nuôi ?

* A. Vỏ quả dừa
* B. Vỏ đậu

###### C. Bột sắn

* D. Xơ dừa

**Câu 13:** Ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất thức ăn chăn nuôi có tác dụng gì ?

* A. Bảo quản thức ăn tốt hơn
* B. Tăng hàm lượng prôtêin trong thức ăn
* C. Tăng giá trị dinh dưỡng của thức ăn

###### D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 14:** Thời gian nhân đôi tế bào của lợn, gà như thế nào?

* A. 0,3 đến 2 giờ
* B. 2 đến 6 giờ
* C. 6 đến 12 ngày

###### D. 24 đến 36 ngày

**Câu 15:** Loại thức ăn đã đảm bảo đáp ứng đầy đủ và hợp lý nhu cầu dinh dưỡng của từng loại vật nuôi là thức ăn gì?

* A. Thức ăn hỗn hợp đậm đặc.

###### B. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh.

* C. Thức ăn xanh.
* D. Tất cả đều đúng.

**Câu 16:** Loại thức ăn nào mà chất lượng của nó phụ thuộc vào giống cây, điều kiện đất đai, khí hậu, chế độ chăm sóc và thời kì thu cắt?

###### A. Thức ăn xanh.

* B. Thức ăn thô.
* C. Thức ăn tinh.
* D. Thức ăn hỗn hợp.

**Câu 17:** Thức ăn xanh của vụ hè xuân, vật nuôi không ăn hết, người ta dùng để:

* A. Phơi khô dự trữ đến mùa đông.
* B. Ủ xanh làm phân bón.
* C. Ủ xanh làm thức ăn dự trữ đến mùa đông

###### D. Cả A và C đều đúng.

**Câu 18:** Với các thức ăn hạt, người ta thường hay sử dụng phương pháp chế biến nào?

###### A. Nghiền nhỏ.

* B. Cắt ngắn.
* C. Ủ men.
* D. Đường hóa.

**Câu 19:** Một số loại thức ăn giàu protein là ...

* A. các cây họ đậu
* B. thức ăn ủ xanh.
* C. các loại rau xanh, cỏ tươi

###### D. hạt đậu, đỗ, khô dầu, bột cá…

**Câu 20:** Nguyên liệu để sản xuất thức ăn từ vi sinh vật là gì?

* A. Dầu mỏ
* B. Khí metan
* C. Phế liệu của nhà máy giấy

###### D. Cả A, B, C đều đúng

Bài 9 Bảo quản thức ăn chăn nuôi - sách kết nối tri thức.

**Câu 1:** Đâu không phải ý nghĩa của việc bảo quản thức ăn chăn nuôi?

* A. Đảm bảo chất lượng thức ăn, giúp thức ăn giữ được giá trị dinh dưỡng, giảm thiệt hại do hư hỏng và an toàn cho vật nuôi.

###### B. Tăng sức cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành.

* C. Dự trữ thức ăn trong thời gian cho phép.
* D. Tiết kiệm chi phí thức ăn.

**Câu 2:** Thức ăn chăn nuôi công nghiệp gồm hai loại, đó là:

* A. Thức ăn chuyên công nghiệp và thức ăn bán công nghiệp
* B. Thức ăn nông nghiệp và thức ăn thuỷ sản

###### C. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 3:** Đâu là công nghệ cao được ứng dụng trong bảo quản thức ăn chăn nuôi

* A. Sử dụng chất bảo quản có nguồn gốc sinh học
* B. Bảo quản thức ăn bằng silo

###### C. Cả A và B đều đúng

* D. Cả A và B đều sai

**Câu 4:** Ý nào dưới đây không thích hợp với nơi bảo quản thức ăn chăn nuôi?

* A. Có ánh nắng chiếu trực tiếp
* B. Cao ráo, khô, thoáng khí
* C. Tránh nắng, mưa
* D. Tránh sự xâm hại của côn trùng, chuột

**Câu 5:** Đâu là phương pháp bảo quản thức ăn chăn nuôi

* A. Bảo quản thức ăn trong kho
* B. Bảo quản thức ăn bằng phương pháp làm khô

###### C. Cả A và B đều đúng

* D. Cả A và B đều sai

**Câu 6:** Thức ăn ủ chua sau 3 – 4 tuần phải đạt được yêu cầu gì thì mới được coi là đạt yêu cầu?

###### A. Có màu vàng rơm hoặc vàng nâu, mềm, không nhũn nát, mùi chua nhẹ, không mốc, không có mùi lạ

* B Có màu vàng rơm hoặc vàng nâu, cứng chắc, mùi hắc, không mốc.
* C. Có màu trắng vàng, mềm, không nhũn, không mốc, có mùi thơm thoang thoảng.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 7:** Để bảo quản rơm lúa sau khi thu cắt bằng phương pháp phơi khô thì ta làm thế nào?

* A. Cho vật nuôi ăn ngay lập tức, càng nhanh càng tốt.

###### B. Phơi khô rơm lúa một cách tự nhiên và đóng bánh hoặc cuộn thành khối, sau đó bảo quản trong kho hoặc nơi cao ráo có mái che và khô thoáng.

* C. Phơi khô rơm lúa ở trong lò nung và đóng thành tảng để duy trì dưỡng chất, sau đó bảo quản ở nơi có nhiệt độ cao, khô thoáng
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 8:** Đâu là một phương pháp bảo quản thức ăn thô?

* A. Bảo quản bằng phương pháo oxi hoá – khử

###### B. Bảo quản bằng phương pháp đóng băng

* C. Bảo quản bằng phương pháp vôi hoá
* D. Bảo quản bằng phương pháp kiềm hoá

**Câu 9:** Câu nào sau đây đúng về phương pháp ủ chua thức ăn?

* A. Thức ăn ủ chua được sản xuất bằng phương pháp lên men acid sulfuric bởi các acid amin có sẵn trong tự nhiên.

###### B. Acid amin lên men đường trong thức ăn để sản sinh lactic acid và các acid hữu cơ khác làm giảm pH của thức ăn, giúp thức ăn chuyển sang trạng thái “chín sinh học” và bảo quản được trong thời gian dài.

* C. Có thể sử dụng thêm một số nguyên liệu và phụ gia để giúp quá trình lên men tốt hơn như: rỉ mật, cám gạo, bột ngô hay các enzyme phân giải xơ hoặc sử dụng giống khởi động (chế phẩm vi khuẩn lactic thương mại).
* D. Ở các trang trại chăn nuôi quy mô lớn, thức ăn được ủ chua lộ thiên trên nông trường.

**Câu 10:** Bảo quản bằng phương pháp ủ chua: Thức ăn thô, xanh được ủ chua trong túi, trong silo hoặc hào ủ. Lactic acid sinh ra trong quá trình ủ chua sẽ:

* A. Ức chế các vi sinh vật gây hư hỏng và gây bệnh, giúp kéo dài thời gian bảo quản thức ăn 3 – 6 tháng
* B. Làm gia tăng lượng vi sinh vật có lợi nhằm duy trì tính nguyên vẹn của thức ăn từ 3 – 6 tháng.
* C. Phủ lên bề mặt thức ăn một lớp bảo vệ nhằm chống lại sự tác động của môi trường xung quanh, giúp duy trì thức ăn được lâu hơn.

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 11:** Đâu là công thức ủ chua thức ăn thô, xanh hợp lí?

* A. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.05 kg muối + 2 kg đường hoặc rỉ mật.
* B. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.5 kg muối + 0.2 kg đường hoặc rỉ mật.

###### C. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.05 kg muối + 0.2 kg đường hoặc rỉ mật.

* D. 10 kg cây ngô tươi (rau tươi) + 0.5 kg muối + 2 kg đường hoặc rỉ mật.

**Câu 12:** Ở bước xử lí nguyên liệu khi thực hành phương pháp ủ men tinh bột, bánh men rượu gạo cần được:

###### A. Nghiền nhỏ, rây loại bỏ trấu

* B. Nghiền nát bét thành bột mịn
* C. Rang lại để tăng tính khả năng chống chịu
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 13:** Câu nào sau đây đúng về bảo quản thức ăn chăn nuôi?

* A. Các nguyên liệu thức ăn như cám gạo, cám mì, ngô, sắn lát,... sử dụng trong sản xuất thức ăn công nghiệp được bảo quản thông qua việc kiềm hoá với urea hoặc nước vôi trong 7 – 10 ngày.
* B. Các nguyên liệu giàu protein (bột cá, bột thịt,...), premix và phụ gia được bảo quản trong kho có kiểm soát nhiệt độ thấp hơn 25 °C để tránh ảnh hưởng tới chất lượng thức ăn.
* C. Nguyên liệu dạng lỏng (dầu, mỡ, rỉ mật,...) được bảo quản trong các thùng hay các bình chứa lớn và được bảo quản ở khu vực riêng.

###### D. Cả A, B, C đúng

**Câu 14:** Hiện nay các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp hiện đại đang hướng đến tiêu chỉ 3 “không”:

* A. Không tiền, không nói chuyện, không giải quyết vấn đề.
* B. Không ăn, không uống, không làm sao.

###### C. Không bụi, không mùi và không chất thải.

* D. Không chất cấm, không ô nhiễm môi trường, không phá sản.

**Câu 15:** Dưới đây là một số bước của quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh. Ý nào không đúng?

* A. Nhập nguyên liệu: Nguyên liệu được đưa vào hầm nhập sau đó chuyển lên bồn chứa (silo) bằng hệ thống tự động theo khu vực cho từng loại nguyên liệu riêng.

###### B. Lấy mẫu kiểm tra nguyên liệu: Tại khu vực trộn có hệ thống máy vi tính kiểm soát để đảm bảo tất cả các công thức thức ăn đúng theo thành phần dinh dưỡng của từng loại vật nuôi.

* C. Làm sạch nguyên liệu: Nguyên liệu được tách kim loại và loại bỏ các tạp chất trong hệ thống máy làm sạch trước khi nghiền.
* D. Nghiền nguyên liệu: nhằm làm nhỏ nguyên liệu, giúp tăng khả năng tiếp xúc trong quá trình trộn, ép viên, đồng thời làm tăng khả năng tiêu hoá cho vật nuôi.

**Câu 16:** Khi ủ men bột sắn thì khi ủ xong phải có màu gì?

* A. Vàng nâu
* B. Vàng ươm
* C. Vàng rơm

###### D. Trắng xám

**Câu 17:** Trong quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh ở quy mô công nghiệp, công việc nào cần làm trước công việc “hấp chín bằng hệ thống hơi nước”?

* A. Phối trộn các nguyên liệu theo công thức tính toán sẵn

###### B. Ép viên, làm nguội

* C. Sàng phân loại viên
* D. Chuyển vào bồn chứa

**Câu 18:** Cho các hoạt động sau:

- Phơi 1 – 2 ngày nếu hàm lượng nước lớn hơn 75%.

- Băm nhỏ 3 – 5 cm để nén được chặt - tạo điều kiện yếm khí.

- Bổ sung rỉ mật đường hoặc tinh bột.

Các hoạt động này thuộc bước nào của quy trình ủ chua thức ăn thô, xanh?

* A. Chuẩn bị nguyên liệu

###### B. Xử lí nguyên liệu

* C. Ủ chua
* D. Sử dụng

**Câu 19:** Cách kiểm tra độ ẩm nhanh khi thực hành phương pháp ủ men tinh bột: nắm chặt nguyên liệu sau khi phối trộn và bổ sung nước trong lòng bàn tay sau đó mở tay ra. Nguyên liệu chưa đủ ẩm sẽ:

* A. Đóng cục không như mong muốn

###### B. Tơi, rời nhau

* C. Dính chặt vào lòng bàn tay
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 20:** Thức ăn ủ men được sản xuất bằng phương pháp:

* A. Dùng men kết hợp với các enzyme tự nhiên trong thực phẩm.

###### B. Lên men nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn,... với nấm men.

* C. Bão hoà các chất kết dính trong các nguyên liệu giàu tinh bột như cám gạo, bột ngô, bột sắn,... với nấm men
* D. Tất cả các đáp án trên.

### CHƯƠNG IV - PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI

Bài 11 Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi - sách kết nối tri thức

**Câu 1:** Ý nào dưới đây không phải là vai trò chính của vệ sinh trong chăn nuôi?

* A. Phòng ngừa dịch bệnh và bảo vệ sức khoẻ vật nuôi.
* B. Nâng cao năng suất chăn nuôi.
* C. Bảo vệ môi trường.

###### D. Tiết kiệm thức ăn chăn nuôi.

**Câu 2:** Đâu không phải một nhóm bệnh chính ở vật nuôi?

* A. Bệnh nội khoa
* B. Bệnh truyền nhiễm
* C. Bệnh kí sinh trùng

###### D. Bệnh giao tiếp

**Câu 3:** Đâu là một nhóm bệnh chính ở vật nuôi?

* A. Bệnh quá nạc thịt
* B. Bệnh tự kỷ ám thị

###### C. Bệnh sinh sản

* D. Bệnh rối loạn tiêu hoá

**Câu 4:** Khi bị bệnh, vật nuôi thường có những biểu hiện phổ biến nào sau đây?

* A. Nhanh nhẹn, linh hoạt.

###### B. Bỏ ăn hoặc ăn ít.

* C. Nhanh lớn, đẻ nhiều.
* D. Thường xuyên đi lại.

**Câu 5:** Đối với vai trò về kinh tế trong chăn nuôi, phòng bệnh tốt giúp:

* A. Tăng sức đề kháng, giảm tỉ lệ mắc bệnh vì cấu trúc gen không bị phá vỡ.

###### B. Tăng sức đề kháng, giảm tỉ lệ mắc bệnh, giảm chi phí điều trị bệnh và các tổn hại khác do bệnh gây nên

* C. Đảm bảo sự ổn định của thị trường chăn nuôi trong nước và quốc tế.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 6:** Đâu không phải một bệnh ở vật nuôi?

* A. Bệnh Circo virus
* B. Bệnh dịch tả vịt
* C. Bệnh đầu đen

###### D. Bệnh trầm cảm

**Câu 7:** Đối với vai trò về kinh tế trong chăn nuôi, trị bệnh hiệu quả có tác dụng gì?

* A. Giúp con vật nhanh chóng phục hồi
* B. Giảm tỉ lệ chết và loại thải vật nuôi
* C. Giảm thiệt hại trong chăn nuôi

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 8:** Đối với sức khoẻ cộng đồng, phòng, trị bệnh tốt sẽ:

* A. Giúp cho mọi người không bao giờ phải lưu tâm về chất lượng của đồ ăn thức uống.
* B. Giúp tạo ra hệ sinh thái lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần bao trùm lên cả cộng đồng.

###### C. Giúp cung cấp nguồn thực phẩm an toàn và bổ dưỡng, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo sức khoẻ cộng đồng.

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 9:** Câu nào sau đây đúng về ngành chăn nuôi ở Việt Nam?

* A. Ngành chăn nuôi ở Việt Nam là một bộ phận quan trọng cấu thành của nông nghiệp Việt Nam cũng như là một nhân tố quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, tình hình chăn nuôi ở Việt Nam phản ánh thực trạng chăn nuôi, sử dụng, khai thác, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm động vật (súc vật nuôi) và tình hình thị trường liên quan tại Việt Nam.
* B. Chăn nuôi Việt Nam có lịch sử từ lâu đời và đóng góp lớn vào cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo cũng như đời sống từ bao năm qua.
* C. Hiện nay, theo xu thế của một nền kinh tế đang chuyển đổi, chăn nuôi Việt Nam cũng có những bước đi mới và đạt được một số kết quả nhất định.

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 10:** Các bệnh có thể lây lan nhanh thành dịch, làm chết nhiều vật nuôi thường có nguyên nhân chính là

* A. do thời tiết không phù hợp.

###### B. do vi khuẩn và virus.

* C. do thức ăn không đảm bảo vệ sinh.
* D. do chuồng trại không phù hợp.

**Câu 11:** Ý nào dưới đây là phù hợp nhất để định nghĩa về bệnh?

###### A. Bệnh là sự rối loạn hoạt động chức năng bình thường của cơ thể vật nuôi do tác động của các yếu tố gây bệnh khác nhau.

* B. Bệnh là hiện tượng xảy ra ở cơ thể vật nuôi khi có tồn tại các yếu tố gây bệnh khác nhau.
* C. Bệnh là hiện tượng con vật có biểu hiện ho, sốt, còi cọc, chậm lớn.
* D. Bệnh là hiện tượng con vật có biểu hiện kém ăn, bỏ ăn.

**Câu 12:** Nguyên nhân nào đưới đây có thể gây dịch, bệnh cho vật nuôi?

###### A. Chuồng trại không hợp vệ sinh.

* B. Không cho vật nuôi tiếp xúc với nguồn bệnh.
* C. Tiêm phòng vaccine đầy đủ cho vật nuôi.
* D. Cho vật nuôi ăn đầy đủ dinh dưỡng.

**Câu 13:** Biện pháp phòng bệnh chủ động hiệu quả nhất cho vật nuôi là:

###### A. Sử dụng vaccine.

* B. Cho con vật ăn càng nhiều càng tốt.
* C. Cho con vật vận động càng nhiều càng tốt.
* D. Cho con vật sử dụng thuốc kháng sinh thường xuyên.

**Câu 14:** Đâu là nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi?

* A. Tiêm vaccine
* B. Vệ sinh chuồng trại

###### C. Môi trường chuồng trại quá nóng

* D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 15:** Bệnh nào dưới đây có thể lây lan nhanh thành dịch?

* A. Bệnh giun đũa

###### B. Bệnh cúm gia cầm.

* C. Bệnh ghẻ.
* D. Bệnh viêm khớp.

**Câu 16:** Vì sao làm tốt công tác phòng và trị bệnh cho vật nuôi có vai trò vô cùng quan trọng?

* A. Vì làm vậy, sức khoẻ của con vật sẽ không bị ảnh hưởng
* B. Vì làm vậy sẽ không làm ảnh hưởng đến năng suất chăn nuôi
* C. Vì làm vậy sẽ tránh việc lây bệnh từ vật nuôi sang người

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 17:** Đâu là tác dụng của việc phòng và trị bệnh cho vật nuôi?

* A. Tiêm vaccine có tác dụng tạo miễn dịch cho vật nuôi, giúp vật nuôi chống lại tác nhân gây bệnh.
* B. Ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh.
* C. Giảm tác hại của bệnh và giúp vật nuôi nhanh hồi phục.

###### D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 18:** Ngành chăn nuôi đã đóng góp bao nhiêu % vào GDP nông nghiệp của Việt Nam?

* A. 15%

###### B. 25%

* C. 55%
* D. 85%

**Câu 19:** Cho đến nay, các nhà khoa học đã phát hiện ra khoảng bao nhiêu loại mầm bệnh (virus, vi khuẩn, kí sinh trùng và nấm mốc gây bệnh cho người)?

* A. 800

###### B. 1400

* C. 2000
* D. 2800

**Câu 20:** Nguy cơ phát sinh bệnh cũng như hiệu quả trong kiểm soát bệnh không có liên quan đến yếu tố nào sau đây?

###### A. Chi phí đầu tư nguyên vật liệu

* B. Con giống
* C. Kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc
* D. Yếu tố môi trường

Bài 12 Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị

**Câu 1:** Đâu là bệnh phổ biến ở lợn

* A. Bệnh dịch tả lợn cổ điển
* B. Bệnh tai xanh
* C. Bệnh tụ huyết trùng lợn

###### D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 2:** Bệnh tụ huyết trùng ở lợn thuộc loại bệnh gì?

###### A. Bệnh truyền nhiễm

* B. Bệnh không truyền nhiễm
* C. Bệnh kí sinh trùng
* D. Bệnh di truyền

**Câu 3:** Bệnh phân trắng lợn con là:

* A. Bệnh kí sinh trùng phổ biến, xảy ra quanh năm, nhất là ở lợn nuôi thả rông và ăn rau bèo thuỷ sinh tươi sống

###### B. Bệnh khá phổ biến ở lợn từ 3 đến 21 ngày tuổi, thường xảy ra khi thời tiết thay đổi.

* C. Bệnh truyền nhiễm ở lợn con, các virus lây truyền làm cho phân của lợn trắng ra.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 4:** Đâu không phải biểu hiện đúng của bệnh giun đũa lợn?

###### A. Con vật không to ra về khung xương, nạc thịt mà trở nên béo mềm, lông ngắn lại,…

* B. Khi ấu trùng giun tác động lên phổi sẽ gây viêm phổi
* C. Khi có quá nhiều giun thì có thể gây tắc ống mật, tắc ruột, thủng ruột
* D. Có thể tìm được trứng giun khi xét nghiệm phân

**Câu 5:** Bệnh dịch tả lợn cổ điển là:

* A. Bệnh truyền nhiễm do virus nhóm A gây ra, tác động đến lợn ở nhiều góc độ, làm mất hệ miễn dịch và lây lan nhanh ra đồng loại.

###### B. Bệnh truyền nhiễm do virus gây ra ở mọi lứa tuổi của lợn với mức độ lây lan rất mạnh và tỉ lệ chết cao 80 – 90%.

* C. Bệnh kí sinh do các loại vi khuẩn có hại gây ra cho lợn ở tuổi trưởng thành. Kí sinh trùng bộc phát nhanh chóng trong cơ thể và lây lan sang cơ thể của con vật khác.
* D. Bệnh kí sinh do các loại vi khuẩn có hại gây ra cho lợn ở mọi độ tuổi. Kí sinh trùng bộc phát nhanh chóng trong cơ thể và lây lan sang cơ thể của con vật khác.

**Câu 6:** Đâu là một cách phòng bệnh đóng dấu?

###### A. Nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kĩ thuật.

* B. Tiêm vaccine phòng bệnh theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y, thường là tiêm lúc lợn 10 tháng tuổi, sau đó tiêm nhắc lại 5 tháng một lần.
* C. Sử dụng các loại thức ăn công thức khi thấy lợn có biểu hiện không tốt về sức khoẻ.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 7:** Đâu không phải biện pháp xử lí bệnh dịch tả lợn cổ điển?

###### A. Dùng thuốc đặc trị bệnh dịch tả lợn cổ điển.

* B. Báo ngay cho cán bộ thú y để được hướng dẫn.
* C. Cách li triệt để: không giết mổ hoặc di chuyển con vật ra khỏi khu vực chăn nuôi, cũng không chuyển lợn từ nơi khác về.
* D. Tiến hành các biện pháp chống dịch theo hướng dẫn của cán bộ thú y, bao gồm: tiêu huỷ con vật chết và con vật bị bệnh; vệ sinh khử trùng triệt để khu vực chăn nuôi và phương tiện, dụng cụ bằng biện pháp thích hợp.

**Câu 8:** Đối với bệnh đóng dấu lợn, mầm bệnh là:

* A. Vi khuẩn Gram dương Bacterial crixiopathrix

###### B. Vi khuẩn Gram dương Erysipelothrix rhusiopathiae

* C. Vi khuẩn Gram âm Bacterial crixiopathrix
* D. Vi khuẩn Gram âm Erysipelothrix rhusiopathiae

**Câu 9:** Dưới đây là các biện pháp phòng và trị bệnh giun đũa lợn. Ý nào không đúng?

* A. Giữ vệ sinh chuồng nuôi và sân chơi. Ủ phân đúng cách để diệt trứng giun.
* B. Không thả rông và không cho lợn ăn rau bèo thuỷ sinh tươi sống.

###### C. Định kì 2 tháng một lần tẩy giun cho lợn, kể cả lợn đang mang thai, đang nuôi con và lợn con theo mẹ.

* D. Sử dụng thuốc đặc trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y. Thường dùng thuốc trộn vào thức ăn với một liều duy nhất.

**Câu 10:** Đối với bệnh dịch tả lợn cổ điển thì con đường chính mà mầm bệnh xâm nhập vào vật nuôi là:

* A. Qua tiêu hoá
* B. Qua hô hấp
* C. Qua da, niêm mạc mắt và đường sinh dục

###### D. Cả A và B.

**Câu 11:** Bệnh nào dưới đây có thể phát triển thành dịch?

* A. Bệnh viêm dạ dày.
* B. Bệnh giun đũa ở gà.
* C. Bệnh ghẻ.

###### D. Bệnh dịch tả lợn châu Phi.

**Câu 12:** Đâu là biểu hiện của bệnh phân trắng lợn con ở giai đoạn sau?

###### A. Con vật bỏ bú, run rẩy, hạ thân nhiệt

* B. Con vẫn bú mẹ, phân màu vàng vón lại như hạt đậu, sau đó phân loãng dần và có màu trắng
* C. Con vật trở nên yếu hẳn về thị giác và thính giác
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 13:** Khả năng lây truyền của bệnh đóng dấu lợn như thế nào?

* A. Không lây truyền
* B. Chỉ lây truyền sang các loài động vật khác
* C. Chỉ lây truyền sang con người

###### D. Có thể lây sang người và một số loài động vật khác

**Câu 14:** Bệnh đóng dấu lợn có thể điều trị được bằng:

* A. Các loại thuốc hoạt huyết nhằm hỗ trợ việc lưu thông máu, tránh tụ máu.
* B. Các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram âm kết hợp với một số thuốc trợ sức.

###### C. Các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với một số thuốc trợ sức.

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 15:** Đóng dấu lợn là:

* A. Bệnh truyền nhiễm do virus gây nên, thường xuất hiện ở lợn trên 10 tháng tuổi và thường ghép với bệnh nở huyết trùng.

###### B. Bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn gây nên, thường xuất hiện ở lợn trên 3 tháng tuổi và thường ghép với bệnh tụ huyết trùng.

* C. Bệnh kí sinh trùng tác động lên vùng mông của lợn, khiến cho lợn gặp các vấn đề sinh sản, tiêu hoá.
* D. Bệnh kí sinh trùng tác động lên vùng đầu của lợn, khiến cho lợn gặp các vấn đề về nghe – nhìn, ăn uống.

**Câu 16:** Dưới đây là những biểu hiện đặc trưng của bệnh đóng dấu lợn. Ý nào không đúng?

* A. Con vật sốt cao trên 40 °C, bỏ ăn, sưng khớp gối.
* B. Trên da có dấu hình vuông, tròn, màu đỏ, sau đó tạo vảy bong tróc ra

###### C. Khi mổ khám thường thấy máu tụ lại ở tim, các cơ quan nội tạng như dạ dày, ruột, tim, phổi, gan và thận sưng, màu đen

* D. Khi mổ khám thường thấy viêm khớp và viêm màng trong tim

**Câu 17:** Đâu không phải một biện pháp đúng để phòng bệnh dịch tả lợn cổ điển?

* A. Hạn chế người lạ vào khu chăn nuôi

###### B. Cách li 100 ngày với lợn mới nhập về

* C. Chú ý giữ gìn vệ sinh
* D. Để trống chuồng 2 tuẫn giữa các lứa nuôi

**Câu 18:** Virus gây bệnh dịch tả lợn cổ điển là loại:

* A. RKN virus, thuộc chi furovirus, họ Rubivirata
* B. RKN virus, thuộc chi tombusvirus, họ Camaviridae
* C. RNA virus, thuộc chi Comovirus, họ Picornavirata

###### D. RNA virus, thuộc chi Pestivirus, họ Flaviviridae

**Câu 19:** Bệnh kí sinh trùng phổ biến, xảy ra quanh năm, nhất là ở lợn nuôi thả rông và ăn rau bèo thuỷ sinh tươi sống là bệnh gì?

* A. Bệnh dịch tả lợn hiện đại
* B. Bệnh mở dấu lợn

###### C. Bệnh giun đũa lợn

* D. Bệnh phân trắng lợn con

**Câu 20:** Con vật còn sống sót sau khi bị bệnh dịch tả lợn cổ điển thường:

* A. Phát triển nhanh chóng, khoẻ mạnh, có sức đề kháng rất cao.
* B. Phát triển nhanh đột biến nhưng chất lượng thịt có thể gây hại cho người tiêu dùng.

###### C. Còi cọc, chậm lớn.

* D. Còi cọc, chậm lớn nhưng chất lượng thịt rất tốt.

Bài 13 Một số bệnh phổ biến ở gia cầm và biện pháp phòng, trị

**Câu 1:** Câu nào sau đây là đúng?

* A. Nấm mốc thường thấy trên thức ăn chăn nuôi được bảo quản không đúng cách có thể gây bệnh cho vật nuôi.
* B. Độc tố nấm móc, điển hình là độc tố Aflatoxin do nấm lục Aspergillus flavus tiết ra, gây độc, rối loạn chức năng và giảm năng suất vật nuôi, đặc biệt là gia cầm.
* C. Độc tố nấm độc có thể tích tụ trong sản phẩm chăn nuôi, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thực phẩm cho con người.

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2:** Cầu trùng gà là bệnh:

###### A. Kí sinh trùng

* B. Truyền nhiễm
* C. Sinh sản
* D. Nội khoa

**Câu 3:** Đâu không phải biện pháp phòng bệnh cúm gia cầm đúng cách?

* A. Dùng đồ bảo hộ lao động
* B. Không ăn sản phẩm gia cầm chưa nấu chín
* C. Không thả rông

###### D. Nuôi phối hợp nhiều loại gia cầm với nhau

**Câu 4:** Đâu là một nguồn lây nhiễm rất nguy hiểm của bệnh cúm gia cầm?

* A. Người từ vùng khác đến

###### B. Các loài chim hoang dã

* C. Các thiết bị công nghệ chưa đạt yêu cầu
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 5:**  Đâu không phải biểu hiện đặc trưng của bệnh cúm gia cầm?

* A. Thời gian ủ bệnh từ vài giờ đến vài ngày.
* B. Con vật sốt cao, mệt mỏi, ủ rũ, đi loạng choạng, quay cuồng, khó thở, chảy nước mắt, nước mũi.
* C. Qua thời gian ủ bệnh, từ 1 đến 3 ngày sau thì con vật chết do suy hô hấp và ngạt thở.

###### D. Mào hết nước, thâm tím.

**Câu 6:** Bệnh cúm gia cầm là:

###### A. Một trong những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhất ở gia cầm

* B. Một trong những bệnh truyền nhiễm ít nguy hiểm nhất ở gia cầm
* C. Một trong những bệnh kí sinh trùng nguy hiểm nhất ở gia cầm
* D. Một trong những bệnh kí sinh trùng ít nguy hiểm nhất ở gia cầm

**Câu 7:** Gà ở độ tuổi nào có nguy cơ nhiễm bệnh cầu trùng gà cao nhất?

###### A. Gà từ 6 đến 60 ngày tuổi

* B. Gà từ 30 đến 180 ngày tuổi
* C. Gà hơn 6 tháng tuổi
* D. Gà hơn 12 tháng tuổi

**Câu 8:** Đâu là biểu hiện đặc trưng nhất của bệnh cúm gia cầm?

* A. Xuất huyết lan tràn ở đầu

###### B. Da chân có xuất huyết đỏ

* C. Tụ máu ở phổi, tim, gan, lách, thận,…
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 9:** Biểu hiện của bệnh cầu trùng gà chủ yếu ở:

* A. Đường hô hấp
* B. Lưng và cánh

###### C. Đường tiêu hoá

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 10:** Thời kì ủ bệnh của bệnh cầu trùng gà kéo dài:

* A. Từ 1 – 2 ngày
* B. Từ 2 – 4 ngày

###### C. Từ 4 – 6 ngày

* D. Từ 6 – 10 ngày

**Câu 11:** Ai có thể bị bệnh cúm gia cầm?

* A. Các loài gia cầm
* B. Một số loài động vật khác gia cầm
* C. Con người

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 12:** Câu nào sau đây là đúng về mầm bệnh gây bệnh cúm gia cầm?

* A. Mầm bệnh là virus cúm nhóm A thuộc họ Alphainfluenzavirus, có 2 kháng nguyên bề mặt là H (Haemagglutinin) và N (Neuraminidase).
* B. Mầm bệnh tồn tại lâu ngày trong môi trường tự nhiên và chỉ có thể bị tiêu diệt bằng các loại chất sát trùng đặc hiệu.

###### C. Mầm bệnh xâm nhập vào vật nuôi theo 2 đường chính là hô hấp và tiêu hoá.

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 13:** Vì sao bệnh cầu trùng gà rất nguy hiểm đối với ngành chăn nuôi gia cầm?

* A. Vì nó có thể làm cho giống gà đó suy giảm về tính chất, thậm chí là tuyệt chủng

###### B. Vì nó có thể lây lan rộng và gây thiệt hại lớn về kinh tế

* C. Vì nó rất dễ lây nhiễm sang người và khiến người bị nhiễm chết nhanh chóng
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 14:** Câu nào sau đây đúng về bệnh cúm gia cầm?

* A. Các loài gia cầm trước 6 tháng tuổi dễ mắc bệnh nhất, chết nhanh và với tỉ lệ chết rất cao 90 - 100%
* B. Các loài gia cầm trước 6 tháng tuổi dễ mắc bệnh nhất, lâu chết và tỉ lệ chết thấp (dưới 50%), những con còn sống thường còi cọc

###### C. Các loài gia cầm ở mọi lứa tuổi đều có thể bị bệnh, chết nhanh và với tỉ lệ chết rất cao 90 - 100%

* D. Các loài gia cầm ở mọi lứa tuổi đều có thể bị bệnh, lâu chết và tỉ lệ chết thấp (dưới 50%), những con còn sống thường còi cọc

**Câu 15:** Bệnh cầu trùng gà do một loại động vật nguyên sinh có tên là trùng bào tử hình cầu (họ Eimeria), trong đó có 6 loài thường gặp nhất, gây ra biểu hiện bệnh ở các phần khác nhau trong đường tiêu hoá. Các loài cầu trùng này là các kí sinh trùng đa bào trong tế bào gan, phá huỷ cấu trúc gan, gây chảy máu và tạo điều kiện cho các vi khuẩn khác xâm nhập, phát triển và gây bệnh thứ phát.”

Đoạn trên có chi tiết nào không đúng?

* A. “Trùng bào tử hình cầu (họ Eimeria)”. Đúng phải là: “trùng ma hắc ám (họ Calusura)”
* B. “Đường tiêu hoá”. Đúng phải là: “đường hô hấp”.

###### C. “Các kí sinh trùng đa bào trong tế bào gan, phá huỷ cấu trúc gan”. Đúng phải là: “các kí sinh trùng đơn bào trong tế bào niêm mạc ruột, phá huỷ cấu trúc ruột”.

* D. Không có chi tiết nào.

**Câu 16:** Đâu là biểu hiện ban đầu của bệnh cầu trùng gà?

* A. Xác gầy, ướt, thiếu máu; manh tràng và ruột non xuất huyết tràn lan và chứa nhiều máu.
* B. Con vật gầy rộc, thiếu máu, mào, da nhợt nhạt, xu lông, sã cánh, mắt nhắm nghiền, bỏ ăn, chết do mất máu và kiệt sức
* C. Phân chuyển sang dạng sáp nâu, phân sống, lẫn máu và cuối cùng phân toàn máu

###### D. Gà uống nhiều nước, tiêu chảy với phân chứa thức ăn không tiêu

**Câu 17:** Đâu không phải biện pháp điều trị bệnh cúm gia cầm đúng?

###### A. Dùng thuốc đặc trị bệnh cúm gia cầm để giảm thiểu thiệt hại nhiều nhất có thể.

* B. Báo ngay cho cán bộ thú y để được hướng dẫn.
* C. Cách li triệt để: không giết mổ hoặc di chuyển con vật ra khỏi khu vực chăn nuôi, cũng không chuyển gia cầm từ nơi khác về.
* D. Tiến hành các biện pháp chống dịch theo hướng dẫn của cán bộ thú y, bao gồm: tiêu huỷ con vật chết và con vật bị bệnh; vệ sinh khử trùng triệt để chuồng trại và phương tiện, dụng cụ bằng biện pháp thích hợp.

**Câu 18:** Tuỳ thuộc vào tuổi gà, loài và số lượng cầu trùng, bệnh cầu trùng gà có 3 thể là:

* A. Rắn, lỏng, khí

###### B. Cấp tính, mạn tính và ẩn tính

* C. Vô bội, đơn bội, đa bội
* D. Khít, lỏng lẻo, tách rời nhau

**Câu 19:** Biện pháp cần thực hiện trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh gia cầm để đảm bảo bảo vệ môi trường

* A. Nuôi dưỡng đúng cách

###### B. Đảm bảo vệ sinh chuồng trại

* C. Dùng bảo hộ lao động đầy đủ
* D. Không sử dụng sản phẩm gia cầm chưa nấu chín kĩ

**Câu 20:** Biện pháp nào dưới đây có góp phần bảo vệ môi trường nhiều nhất?

###### A. Quản lí chất thải đúng cách

* B. Dùng bảo hộ lao động đầy đủ
* C. Không sử dụng sản phẩm gia cầm chưa nấu chín kĩ
* D. Định kì khám sức khoẻ cho người tham gia chăn nuôi

Bài 14 Một số bệnh phổ biến ở trâu, bò và biện pháp phòng, trị

**Câu 1:** Viêm vú là:

###### A. Bệnh thường gặp ở trâu, bò cái sinh sản, nhất là bò sữa cao sản và trong điều kiện nóng ẩm như ở Việt Nam.

* B. Bệnh thường gặp ở trâu, bò đực, do tuyến vú không phát triển mạnh dẫn đến việc dễ bị tấn công bởi các tác động từ bên ngoài.
* C. Bệnh thường gặp ở nữ giới vào những ngày thời tiết nóng nực, thường là do việc không vệ sinh sạch sẽ.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 2:** Đặc điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là gì?

* A. Gây tụ huyết ở trong tim, khó nhận biết

###### B. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể

* C. Gây xuất huyết ở mọi bộ phân trên cơ thể
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 3:** Đâu không phải biểu hiện đặc trưng của bệnh tụ huyết trùng trâu bò?

###### A. Thời gian ủ bệnh từ 10 đến 30 ngày

* B. Con vật mệt mỏi, khó thở, sốt cao 41 – 42 °C, đi lại khó khăn
* C. Niêm mạc mắt, mũi đỏ sẫm; chảy nước mắt, nước mũi
* D. Ban đầu bị táo bón, sau đó tiêu chảy phân lẫn máu và dịch nhầy

**Câu 4:** Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò có đặc điểm gì?

* A. Có sức đề kháng cao, tồn tại lâu trong môi trường khô thoáng, ít chất hữu cơ và nhiều ánh sáng.

###### B. Có sức đề kháng cao, tồn tại lâu trong môi trường đất ẩm ướt, nhiều chất hữu cơ và thiếu ánh sáng.

* C. Có khả năng di chuyển với tốc độ rất cao, khó bị tiêu diệt trong môi trường thông thường.
* D. Có khả năng di chuyển với tốc độ rất cao, dễ bị tiêu diệt bởi các loại thuốc sát trùng thông thường

**Câu 5:** Dưới đây là các biện pháp phòng và trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò. Ý nào không đúng?

* A. Nuôi dưỡng, chăm sóc đúng kĩ thuật, đảm bảo vệ sinh chuồng trại, thức ăn, nước uống.
* B. Tiêm phòng đầy đủ vaccine phòng bệnh mỗi năm 2 lần theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.

###### C. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò có thể điều trị được bằng các loại thuốc kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn Gram dương kết hợp với thuốc trợ tim.

* D. Khi con vật có dấu hiệu nghi ngờ bệnh thì cần báo cho cơ quan thú y để được hướng dẫn cách xử lí và điều trị bệnh.

**Câu 6:** Mầm bệnh của bệnh tiên mao trùng là gì?

* A. Tiên mao trùng Trypanosoma evansi, một loại kí sinh trùng đa bào, có hình bầu dục, sống cộng sinh và di chuyển trong máu theo dòng.

###### B. Tiên mao trùng Trypanosoma evansi, một loại kí sinh trùng đơn bào, có hình mũi khoan, sống kí sinh và di chuyển được trong máu nhờ một roi tự do.

* C. Tiên mao trùng Hankon WS, một loại kí sinh trùng đa bào, có hình bầu dục, sống cộng sinh và di chuyển trong máu theo dòng.
* D. Tiên mao trùng Hankos WS, một loại kí sinh trùng đơn bào, có hình mũi khoan, sống kí sinh và di chuyển được trong máu nhờ một roi tự do.

**Câu 7:** Dưới đây là những biểu hiện của bệnh viêm vú. Ý nào không đúng?

* A. Bầu vú sưng, nóng, đỏ
* B. Sản lượng sữa giảm hoặc mất hẳn

###### C. Sữa có mùi hôi, chuyển dần sang màu đen

* D. Con vật đau đớn nên không cho con bú, không cho vắt sữa

**Câu 8:** Một trong những bệnh kí sinh trùng đường máu phổ biến gây thiệt hại nghiêm trọng cho đàn trâu, bò là:

* A. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò
* B. Bệnh chướng hơi dạ cỏ
* C. Bệnh viêm vú

###### D. Bệnh tiên mao trùng

**Câu 9:** Dưới đây là các biện pháp phòng và trị bệnh chướng hơi dạ cỏ. Ý nào không đúng?

* A. Tránh cho con vật ăn quá nhiều các loại thức ăn dễ lên men sinh hơi.
* B. Khi phát hiện bệnh thì cần báo bác sĩ thú y để được tư vấn điều trị kịp thời.
* C. Một cách điều trị: Cho con vật nằm kê cao đầu; dùng rơm, cỏ khô chà xát vào vùng hõm hông bên trái; dùng tay kéo lưỡi con vật theo nhịp thở, có thể móc bớt phân ở trực tràng.

###### D. Bệnh này tuy nhẹ nhưng tuyệt đối không được sử dụng các bài thuốc đông y, dễ gây phản tác dụng

**Câu 10:** Trâu, bò bị nhiễm bệnh tiên mao trùng thông qua vật trung gian truyền bệnh là:

###### A. Các loại ruồi trâu hút máu

* B. Các loại châu chấu, sâu bọ
* C. Các loại thức ăn không hợp vệ sinh
* D. Các loại cỏ đồng

**Câu 11:** Câu nào sau đây là đúng về các biện pháp phòng và trị bệnh tiên mao trùng?

* A. Đảm bảo vệ sinh chuồng trại và bãi chăn thả, phát quang bụi rậm và định kì phun thuốc diệt côn trùng.
* B. Ở những vùng thường xuyên xuất hiện bệnh thì có thể dùng thuốc đặc trị tiêm phòng cho gia súc vào mùa phát bệnh.
* C. Con vật mắc bệnh cần được cách li, điều trị kịp thời bằng thuốc đặc trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 12:** Bệnh tiên mao trùng thường xảy ra vào thời gian nào?

###### A. Các tháng nóng ẩm, mưa nhiều

* B. Các tháng lạnh lẽo, khô ráo
* C. Các tháng nắng nóng, hanh khô
* D. Các tháng mưa phùn, giá rét

**Câu 13:** Đâu là một nguyên nhân gây nên bệnh chướng hơi dạ cỏ?

* A. Môi trường không khí không trong lành, chứa nhiều hạt vi bụi M10.
* B. Thức ăn bị nhiễm chất độc acid sulfuric hữu cơ

###### C. Con vật ăn quá nhiều thức ăn dễ lên men sinh hơi như lá cải bắp, lá khoai lang, ngọn mía, cỏ bị ướt sương hoặc nước mưa,…

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 14:** Đoạn sau đây nói về cách điều trị bệnh viêm vú: “Dùng cao tiêu viêm xoa vào bầu vú bị viêm. Dùng thuốc đặc trị viêm vú bơm vào bầu vú qua lỗ tiết sữa. Tiêm calcium và taurine vào bắp thịt con vật. Thụt rửa bầu vú bị viêm bằng các loại thuốc sát trùng như thuốc tím, rivanol, lugol,... Việc sử dụng các loại thuốc cần phải theo đơn thuốc của bác sĩ thú y và hướng dẫn của nhà sản xuất.”

Chi tiết nào trong đoạn trên không đúng?

* A. “cao tiêu viêm”. Đúng phải là: “nước khử viêm”

###### B. “calcium và taurine”. Đúng phải là: “vitamin B1 và cafein”

* C. Cả A và B.
* D. Không có chi tiết nào.

**Câu 15:** Bệnh tụ huyết trùng trâu bò thường xảy ra vào thời gian nào?

* A. Mùa xuân
* B. Mùa khô

###### C. Mùa mưa

* D. Quanh năm

**Câu 16:** Ở thể cấp tính của bệnh tiên mao trùng, con vật có biểu hiện gì?

* A. Con vật sốt gián đoạn (ngày sốt, ngày không)
* B. Thiếu máu suy nhược kéo dài, mất dần khả năng sản xuất, có thể dẫn đến chết hàng loạt

###### C. Thường sốt cao, rối loạn thần kinh và chết nhanh

* D. Cả A và B.

**Câu 17:** Đâu có thể là nguyên nhân gây ra bệnh viêm vú?

* A. Vắt sữa không đúng kĩ thuật
* B. Điều kiện vệ sinh chuồng trại và thân thể vật nuôi không đảm bảo
* C. Không cho vật nuôi ăn thức ăn lên men

###### D. Cả A và B.

**Câu 18:** Bệnh tụ huyết trùng trâu bò là:

###### A. Bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi khuẩn gây ra

* B. Bệnh truyền nhiễm mãn tính do vi khuẩn gây ra
* C. Bệnh kí sinh trùng cấp tính do trùng Toxoplasma gây ra
* D. Bệnh kí sinh trùng mãn tính do trùng Toxoplasma gây ra

**Câu 19:** Mầm bệnh của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là:

* A. Vi khuẩn Gram dương Pasteurella
* B. Vi khuẩn Gram dương Peptidoglycan

###### C. Vi khuẩn Gram âm Pasteurella

* D. Vi khuẩn Gram âm Peptidoglycan

**Câu 20:** Dưới đây là những biểu hiện của bệnh viêm vú. Ý nào không đúng?

* A. Bầu vú sưng, nóng, đỏ
* B. Sản lượng sữa giảm hoặc mất hẳn

###### C. Sữa có mùi hôi, chuyển dần sang màu đen

* D. Con vật đau đớn nên không cho con bú, không cho vắt sữa

Bài 15 Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh vật nuôi

**Câu 1:** Đâu không phải một ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

* A. Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi
* B. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi
* C. Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi

###### D. Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại

**Câu 2:** Phương pháp PCR là:

* A. Một kĩ thuật khống chế hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến
* B. Một kĩ thuật biến đổi hoạt động của sinh vật được ứng dụng phổ biến
* C. Một kĩ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị nguyên tử được ứng dụng phổ biến

###### D. Một kĩ thuật chẩn đoán dựa trên chỉ thị phân tử được ứng dụng phổ biến

**Câu 3:** Chẩn đoán di truyền là:

###### A. Việc sử dụng các xét nghiệm dựa trên chỉ thị phân tử như nucleic acid (DNA, RNA), đoạn gene hay bộ gene hoàn chỉnh của vi sinh vật để chẩn đoán bệnh.

* B. Việc sử dụng các xét nghiệm dựa trên chỉ thị nguyên tử như perclonic acid (PDA, HNA), đoạn gene hay bộ gene hoàn chỉnh của vi sinh vật để chẩn đoán bệnh.
* C. Việc áp dụng công nghệ gene để khống chế cách hoạt động của vi khuẩn và tế bào trên một mô nhằm xác định bệnh tật.
* D. Việc áp dụng công nghệ hoá - sinh để khống chế cách hoạt động của vi khuẩn và tế bào trên cơ thể nhằm xác định bệnh tật.

**Câu 4:** PCR viết tắt từ:

* A. Protein Chain Reaction
* B. Protein Copy Reproduction

###### C. Polymerase Chain Reaction

* D. Polymerase Copy Reproduction

**Câu 5:** PCR có thể được sử dụng để thực hiện hoạt động nào sau đây?

###### A. Kiểm tra huyết thống

* B. Tách dòng gene
* C. Gây đột biến điểm
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 6:** Ý nào sau đây không là công nghệ mới ứng dụng trong sản xuất vaccine

* A. công nghệ vaccine tái tổ hợp
* B. kĩ thuật tạo giống virus trao đổi gên
* C. sử dụng virus vector

###### D. công nghệ baculovirus

**Câu 7:** Vì sao kháng sinh được sản xuất theo phương pháp truyền thống có giá thành cao và chất lượng mỗi sản phẩm có thể không đồng đều?

* A. Vì kháng sinh được sản xuất và gia công bằng tay, không có máy móc hỗ trợ nên độ chính xác giảm xuống.
* B. Vì việc sản xuất kháng sinh phải trải qua quá trình kiểm nghiệm nghiêm ngặt.

###### C. Vì kháng sinh được sản xuất trong hệ thống lên men từng mẻ nên tốn nhiều thời gian để tạo ra một đơn vị sản phẩm.

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 8:** Kháng sinh được sản xuất từ vi sinh vật không bao gồm:

* A. Vi khuẩn

###### B. Tế bào hạt nhân

* C. Xạ khuẩn
* D. Nấm mốc

**Câu 9:** Đâu không phải ưu điểm của phương pháp PCR?

* A. Cho kết quả nhanh
* B. Độ nhạy cao

###### C. Thao tác đơn giản

* D. Độ chính xác cao

**Câu 10:**  Đâu không phải nhược điểm của phương pháp PCR?

###### A. Các số liệu khó tương thích với các phần mềm máy tính

* B. Thiết bị phức tạp, đắt tiền
* C. Quy trình kĩ thuật phức tạp
* D. Đòi hỏi kĩ thuật viên có kĩ năng cao

**Câu 11:** Câu nào sau đây là đúng?

* A. Kĩ thuật xét nghiệm dựa trên chỉ thị nguyên tử như PCR giúp rút ngắn thời gian và nâng cao độ chính xác trong chẩn đoán bệnh vật nuôi.

###### B. Các công nghệ mới trong sản xuất vaccine giúp vaccine được tạo ra nhanh, an toàn và hiệu quả hơn so với phương pháp truyền thống.

* C. Công nghệ lên men liên tục giúp kháng sinh được sản xuất ra nhanh, nhiều, đồng đều nhưng giá thành cao hơn so với phương pháp truyền thống.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 12:** Câu nào sau đây không đúng về PCR?

* A. PCR là một kỹ thuật trong công nghệ sinh học, do Kary Mullis phát minh ra vào năm 1983, đến nay đã được hoàn thiện qua nhiều cải tiến và được tự động hoá hoàn toàn.
* B. Kỹ thuật này vận dụng các kiến thức sinh học phân tử, nhằm tạo ra vô số bản sao (tức khuếch đại) từ đoạn DNA ban đầu (bản gốc) có khi rất nhỏ với số lượng tối thiểu mà không cần sử dụng các sinh vật sống.

###### C. PCR đã được sử dụng rất phổ biến và là công cụ không thể thiếu trong nghiên cứu PDA thuộc lĩnh vực sinh học, y học, tội phạm học, xác định huyết thống,...

* D. PCR phục vụ nhiều mục đích khác nhau, như phát hiện các bệnh di truyền, nhận dạng tội phạm, nghiên cứu bệnh nhiễm trùng và gần đây là xét nghiệm Covid 19 cũng như giúp sản xuất vaccine chống đại dịch này.

**Câu 13:** Đâu là một công nghệ mới ứng dụng trong sản xuất vaccine?

###### A. Công nghệ vaccine tái tổ hợp

* B. Kĩ thuật triệt phá virus trao đổi gene
* C. Kĩ thuật tấn công trực diện virus
* D. Công nghệ sử dụng virus angle

**Câu 14:** Việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi đem lại cho ngành chăn nuôi lợi ích gì?

* A. Giúp con người không bao giờ phải lo toan đến sức khoẻ của con vật nữa

###### B. Giúp việc chăm sóc, điều trị bệnh cho vật nuôi được nhanh chóng, hiệu quả, tốn ít chi phí hơn

* C. Giúp vật nuôi trở nên khoẻ mạnh vô cùng, chống chịu được mọi loại bệnh tật.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 15:** Dưới đây là những lợi ích của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi. Ý nào không đúng?

* A. Việc sản xuất vaccine được phát triển nhanh
* B. Quy trình sản xuất được công nghiệp hoá cao, cho ra hàng loạt sản phẩm đồng đều với giá thành thấp

###### C. Vaccine được nghiên cứu, sản xuất và sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng, không cần nhiều kiến thức chuyên môn

* D. Vaccine thường có đáp ứng miễn dịch tốt hơn, hiệu quả cao hơn so với vaccine cổ điển

**Câu 16:** Đối với sản xuất kháng sinh theo phương pháp truyền thống, các vi sinh vật được:

###### A. Nuôi cấy, nhân lên, sau đó trải qua quy trình phức tạp để chiết tách kháng sinh

* B. Nuôi cấy, nhân lên, sau đó trải qua đun nóng và làm lạnh để chiết tách kháng sinh.
* C. Chiết tách thành kháng sinh dựa trên công nghệ PCR.
* D. Chiết tách thành kháng sinh dựa trên công nghệ sinh học.

**Câu 17:** Số lượng của phương pháp PCR như thế nào?

* A. Chỉ có duy nhất một phương pháp PCR
* B. Có 2 phương pháp PCR với ưu, nhược điểm đối lập nhau.

###### C. Có nhiều phương pháp PCR khác nhau với phạm vi ứng dụng, ưu và nhược điểm khác nhau

* D. Có vô vàn phương pháp PCR vì nó dựa trên cấu trúc của các đoạn gene

**Câu 18:** Ngày nay, PCR được ứng dụng rộng rãi trong xét nghiệm chẩn đoán bệnh cho vật nuôi, nhất là các bệnh do:

* A. Kí sinh trùng

###### B. Virus và vi khuẩn

* C. Con người
* D. Sự nóng lên toàn cầu

**Câu 19:** Nguồn kháng nguyên sử dụng để sản xuất vaccine bằng công nghệ mới không thể là:

* A. Nucleic acid
* B. Các đoạn gene
* C. Protein của mầm bệnh

###### D. Vi sinh vật hoàn chỉnh

**Câu 20:** Vì sao kháng sinh sản xuất theo phương pháp hiện đại được tạo ra nhanh, nhiều, đồng đều với giá thành thấp hơn so với phương pháp truyền thống?

* A. Vì mỗi đơn vị kháng sinh được chăm chút tỉ mỉ, có sự kiểm soát của con người.

###### B. Vì kháng sinh được sản xuất ở quy mô công nghiệp trong hệ thống lên men liên tục.

* C. Vì các loại vi sinh vật để sản xuất kháng sinh hiện đại có sự tương thích cao hơn hẳn các loạ vi sinh vật để sản xuất kháng sinh theo phương pháp truyền thống.
* D. Tất cả các đáp án trên.

### CHƯƠNG V - CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI

Bài 16 Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi

**Câu 1:** Nhược điểm của chuồng hở là

###### A. Khó kiểm soát khí hậu, chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện tự nhiên

* B. Yêu cầu hệ thống điện, nước hiện đại.
* C.  Chi phí đầu tư lớn
* D. Chỉ phù hợp với quy mô chăn nuôi công nghiệp

**Câu 2:** Vai trò của chuồng nuôi gồm... ?

* A. Giúp vật nuôi tránh được những thay đổi của thời tiết.
* B. Giúp vật nuôi hạn chế tiếp xúc mầm bệnh.
* C. Nâng cao năng suất chăn nuôi.

###### D. Tất cả các ý trên đều đúng.

**Câu 3:** Ưu điểm của chuồng kín là

* A. Chi phí thấp
* B. Tiết kiệm điện, nước.
* C. Phù hợp với giống địa phương và chăn nuôi hữu cơ

###### D. Năng suất cao, giảm chi phí thức ăn, ít dịch bệnh.

**Câu 4:** Nguyên nhân làm chuồng nuôi bị ô nhiễm là

* A. Không chú trọng đến quy hoạch chuồng nuôi.
* B. Thiết kế chuồng trại không phù hợp.
* C. Chưa áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến.

###### D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 5:** Vệ sinh trong chăn nuôi là:

* A. Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi
* B. Vệ sinh thân thể vật nuôi

###### C. Cả A và B đều đúng

* D. Cả A và B đều sai

**Câu 6:** Đâu không phải yêu cầu về chuồng nuôi

* A. Xây dựng nơi yên tĩnh, xa khu dân cư, xa đường giao thông.

###### B. Hướng chuồng: hướng tây hoặc tây – nam.

* C. Nền chuồng: khô ráo và ấm áp, chắc chắn, độ dốc vừa phải, dễ thoát nước và nền cao hơn mặt đất xung quanh.
* D. Kiến trúc xây dựng: phù hợp với đặc điểm sinh lí từng loại vật nuôi, áp dụng tối đa công nghệ mới trong xây dựng chuồng trại và sử dụng thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa.

**Câu 7:** Một chuồng nuôi đạt tiêu chuẩn, hợp vệ sinh phải có độ ẩm trong chuồng là bao nhiêu %?

* A. 30 – 40%

###### B. 60 – 75%

* C. 10 – 20%
* D. 35 – 50%

**Câu 8:** Về các tiêu chuẩn của chuồng nuôi hợp vệ sinh, tiêu chuẩn nào dưới đây không đúng?

* A. Độ ẩm trong chuồng 60 – 75%.
* B. Độ thông thoáng tốt.

###### C. Độ chiếu sáng nhiều nhất.

* D. Không khí ít độc.

**Câu 9:** Hướng chuồng nên được đặt theo hướng nào?

###### A. Nam.

* B. Đông.
* C. Tây – Nam.
* D. Tây.

**Câu 10:** Ý nghĩa của việc đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

* A. Tạo môi trường sạch sẽ, an toàn cho cả con người và vật nuôi,
* B. Là giải pháp quan trọng để phòng bệnh cho vật nuôi, phòng bệnh lây truyền giữa động vật và con người
* C. Làm giảm các tác động xấu của chăn nuôi đến môi trường

###### D. Tất cả các ý trên đều đúng.

**Câu 11:** Để có độ chiếu sáng phù hợp, chuồng có thể làm kiểu mấy dãy?

* A. 3.
* B. 2.
* C. 1.

###### D. Cả B và C đều đúng.

**Câu 12:** Phát biểu nào dưới đây không đúng khi nói về vai trò của vệ sinh trong chăn nuôi?

* A. Phòng ngừa dịch bệnh xảy ra.
* B. Bảo vệ sức khỏe vật nuôi.

###### C. Quản lí tốt đàn vật nuôi.

* D. Nâng cao năng suất chăn nuôi.

**Câu 13:** Câu nào sau đây không đúng về kiểu chuồng kín – hở linh hoạt?

* A. Kiểu chuồng kín – hở linh hoạt là kiểu chuồng kín không hoàn toàn.
* B. Các dãy chuồng được thiết kế hở hai bên với hệ thống bạt che hoặc hệ thống cửa đóng mở linh hoạt.
* C. Cuối dãy chuồng có hệ thống làm mát và quạt thông gió.

###### D. Khi thời tiết thuận lợi, chuồng được vận hành như chuồng kín. Khi thời tiết không thuận lợi (nắng nóng, rét,...), chuồng được vận hành như chuồng hở.

**Câu 14:** Vì sao lại nên xây chuồng theo hướng nam hoặc hướng đông – nam?

* A. Để hợp phong thủy

###### B. Để ánh sáng mặt trời buổi sáng chiếu vào chuồng

* C. Để dễ dàng chăn nuôi hơn
* D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 15:** Lượng khí Amoniac, hydro sunphua trong chuồng hợp vệ sinh phải đạt nồng độ là:

###### A. Ít nhất.

* B. 20%
* C. 15%
* D. 30%

**Câu 16:** Máng ăn, máng uống đối với gà nuôi nền có những loại máng thông dụng nào?

###### A. Máng ăn tự động và núm uống tự động

* B. Máng dài chia ô và núm uống nhỏ giọt
* C. Máng tròn chia ô và hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 17:** Chuồng gà đẻ nuôi lồng được thiết kế giống như chuồng gà nuôi nền chỉ khác:

* A. Hệ sống vệ sinh

###### B. Hệ thống lồng nuôi

* C. Hệ thống tản nhiệt
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 18:** Chuồng nuôi bò được thiết kế theo kiểu:

* A. Chuồng kín hai dãy
* B. Chuồng hở có một hoặc hai dãy

###### C. Chuồng kín hai dãy hoặc chuồng hở có một hoặc hai dãy

* D. Phối kết hợp cả chuồng kín hai dãy và chuồng hở một dãy

**Câu 19:** Câu nào sau đây không đúng về kiểu chuồng hở?

* A. Chuồng được thiết kế thông thoáng tự nhiên, có bạt hoặc rèm che linh hoạt

###### B. Kiểu chuồng này phù hợp với quy mô nuôi công nghiệp, chăn thả có quy củ, thân thiện với môi trường

* C. Kiểu chuồng này có chi phí đầu tư thấp hơn chuồng kín
* D. Kiểu chuồng này khó kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi và dịch bệnh

**Câu 20:** Đâu là yêu cầu về mặt bằng xây dựng trong xây dựng chuồng nuôi?

* A. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (khách sạn, nhà hàng, sân golf, bể bơi,...)

###### B. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (nơi ở, máng ăn, máng uống, sân chơi,...)

* C. Xây dựng càng lớn càng tốt, tận dụng mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian.
* D. Xây dựng càng nhỏ càng tốt, tối ưu mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian

Bài 17 Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi - sách kết nối tri thức.

**Câu 1:** Câu nào sau đây không đúng về kĩ thuật nuôi dưỡng lợn nái?

###### A. Khi lợn nái đẻ cần phải cho ăn liên tục, đặc biệt là các loại thức ăn giàu protein để tránh thiếu sữa.

* B. Nái đẻ xong nên tăng dần lượng thức ăn đến ngày thứ 7. Từ ngày thứ 8 trở đi cho ăn theo nhu cầu.
* C. Thời kì lợn nái nuôi con, thức ăn phải có chất lượng tốt, không mốc hỏng. Máng ăn, máng uống phải được vệ sinh sạch sẽ và cung cấp nhiều nước.
* D. Một số lợn nái có thể đẻ trên 20 con mỗi lứa. Nhưng tổng số vú của một con nái chỉ từ 12 đến 16 vú, vì vậy có 4 đến 8 con sẽ được gửi cho những nái khác nuôi hộ.

**Câu 2:** Câu nào sau đây không đúng về bước chuẩn bị trong quy trình nuôi gà thịt công nghiệp?

* A. Vệ sinh, khử trùng chuồng trại, máng ăn, máng uống.

###### B. Quây úm có đường kính 2 m cho 500 gà con; 1 máng ăn khay tròn và 1 bình uống 8l cho 80 – 100 gà; 3 bóng đèn 175 W trong quây cho 100 – 110 gà con.

* C. Đối với gà lớn, sử dụng máng treo 40 con/máng máng uống hình chuông 100 – 120 con/máng.
* D. Nền chuồng trải trấu khô, sạch, dày khoảng 5 – 10 cm.

**Câu 3:** Câu nào sau đây đúng về biện pháp cơ giới trong vệ sinh chuồng nuôi?

* A. Sử dụng các dụng cụ như chối, xẻng, vòi xịt nước,... để loại bỏ chất thải, độn chuồng, bụi bẩn,... ra khỏi nền, sàn, tường, trần của chuồng nuôi sau đó rửa sạch.
* B. Đối với dụng cụ chăn nuôi, sàn, vách ngăn,... bị chất bẩn bám chặt bề mặt lâu ngày, cần ngâm nước 1 – 3 ngày trước khi rửa.
* C. Phương pháp này nên được kết hợp với các phương pháp khử trùng vật lí, hoá học để tăng hiệu quả khử trùng.

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 4:** Câu nào sau đây không đúng về bước nuôi thịt trong quy trình nuôi gà thịt lông màu bán chăn thả?

* A. Gà được chăn thả tự do khi thời tiết thuận lợi, có nắng ấm, bãi thả khô ráo để gà vận động, tìm thức ăn.

###### B. Từ tuần tuổi thứ 15 phải sử dụng thức ăn đậm đặc để duy trì thể trạng cho vật nuôi thay vì sử dụng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hoặc thức ăn tự phối trộn gồm rau xanh, các loại phụ phẩm nông nghiệp, giun quế,... Hàm lượng protein 16 – 18%, năng lượng tối thiểu 2 900 Kcal/kg.

* C. Cho gà ăn 2 lần/ngày (sáng và chiều mát). Cho gà uống nước tự do. Thức ăn, nước uống phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh.
* D. Tiêm vaccine phòng các bệnh: ND, Gumboro, đậu gà, tụ huyết trùng...

**Câu 5:** Cần cho vật nuôi non bú sữa đâu càng sớm càng tốt vì

* A. Sữa đầu chứa nhiều calcium giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.
* B. Sữa đầu có chứa kháng sinh giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

###### C. Sữa đầu có chứa kháng thể giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

* D. Sữa đầu có chứa vaccine giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

**Câu 6:** Giai đoạn vỗ béo bò thịt kéo dài bao lâu?

* A. Kéo dài 6 tháng
* B. Kéo dài 12 tháng

###### C. Kéo dài 16 – 30 tháng đến lúc xuất chuồng

* D. Kéo dài từ lúc xuất chuồng đến lúc giết thịt

**Câu 7:** Yêu cầu nào dưới đây là không chính xác khi chăn nuôi đực giống?

* A. Cân nặng vừa đủ.
* B. Sức khoẻ tốt nhất.
* C. Cho tinh dịch tốt về số lượng và chất lượng.

###### D. Càng to béo càng tốt.

**Câu 8:** Lợn nái mang thai trung bình trong bao nhiêu ngày?

* A. 90
* B. 107
* C. 108

###### D. 114

**Câu 9:** Đối với lợn thịt có khối lượng 10 – 35 kg thì mật độ nuôi là bao nhiêu?

###### A. 0.4 – 0.5 m2/con

* B. 0.7 – 0.8 m2/con
* C. 1.4 – 1.5 m2/con
* D. 1.7 – 1.8 m2/con

**Câu 10:** Câu nào sau đây không đúng về kĩ thuật chăm sóc lợn thịt?

###### A. Lợn con sau khi cai sữa sẽ được ở cùng lợn mẹ và lợn cha để tiện nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ghép đàn cần chú ý tránh để lợn phân biệt đàn và cắn nhau.

* B. Khi phân đàn, cần đảm bảo khối lượng lợn trong cùng một lô không nên chênh lệch quá nhiều.
* C. Vệ sinh và khử trùng chuồng trại cần thực hiện trong suốt quá trình nuôi.
* D. Tiêm vaccine phòng các bệnh: dịch tả lợn cổ điển, lở mồm long móng, phó thương hàn, tai xanh,…

**Câu 11:** Câu nào sau đây không đúng về kĩ thuật nuôi dưỡng lợn nái?

* A. Giai đoạn mang thai từ 1 đến 90 ngày: khẩu phần ăn 1,8 – 2,2 kg/con/ngày.
* B. Giai đoạn từ 91 đến 107 ngày tăng lượng thức ăn lên 2,5 – 3 kg/con/ngày.

###### C. Giai đoạn chửa kì cuối từ 108 ngày đến lúc đẻ cần tăng dần lượng thức ăn từ 3 kg/con/ngày lên 5,5 kg/con/ngày để giúp con sinh ra được khoẻ mạnh, chóng lớn.

* D. Trong thời gian chửa nên cho nái ăn thêm cỏ, rau xanh để chống táo bón.

**Câu 12:** Câu nào sau đây không đúng về việc nuôi dưỡng, chăm sóc bê theo mẹ?

* A. Giai đoạn này bê bú sữa mẹ, cần phải giữ ấm, tránh gió lùa.
* B. Từ tháng thứ 2 có thể tập ăn cho bê với thức ăn tập ăn và cỏ xanh.

###### C. Cai sữa cho bê khi bê có thể thu nhận 4 kg thức ăn tinh tính theo vật chất khô/ngày, thường vào lúc bê 6 tháng tuổi. Tuy nhiên, nếu sử dụng sữa thay thế có thể giúp cai sữa sớm bê ở khoảng 1 – 2 tháng tuổi.

* D. Cho bê vận động tự do dưới ánh nắng trong thời tiết nắng ấm để có đủ vitamin D giúp chắc xương. Nhu cầu protein trong khẩu phần ở giai đoạn này cao, trung bình 14%.

**Câu 13:** Câu nào sau đây không đúng về bước chuẩn bị chuồng trại, bãi thả trong quy trình nuôi gà thịt lông màu bán chăn thả?

* A. Chuồng nuôi gà thịt lông màu bán chăn thả là kiểu chuồng hở, có tường rào, rèm, bạt che mưa, nắng.

###### B. Trong chuồng bố trí giàn đậu bằng tre hoặc gỗ cách nền 2,5 m. Bãi thả phải có diện tích đủ rộng, có bóng râm, có lưới hoặc hàng rào bao quanh.

* C. Đặt máng cát, sỏi xung quanh bãi thả để giúp gà tiêu hoá thức ăn tốt hơn.
* D. Chuồng trại, bãi thả phải được định kì khử trùng.

**Câu 14:** Ba giai đoạn của lợn cái sinh sản lần lượt là:

###### A. Giai đoạn hậu bị → Giai đoạn mang thai → Giai đoạn đẻ và nuôi con.

* B. Giai đoạn hậu bị → Giai đoạn đẻ và nuôi con → Giai đoạn mang thai.
* C. Giai đoạn mang thai → Giai đoạn hậu bị → Giai đoạn đẻ và nuôi con.
* D. Giai đoạn mang thai → Giai đoạn đẻ và nuôi con → Giai đoạn hậu bị.

**Câu 15:** Phương pháp vật lí trong vệ sinh chuồng nuôi gồm có:

* A. Tiêu độc bằng tia α, khử trùng bằng tia β

###### B. Khử trùng, tiêu độc bằng nhiệt độ; khử trùng bằng tia cực tím

* C. Loại bỏ các virus gây hại bằng nhiệt động lực học
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 16:** Để vật nuôi đực giống có khả năng phối giống tốt và cho ra đời sau có chất lượng cao thi cần phải chọn lọc kĩ và quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc đực giống cần chú ý những biện pháp nào?

* A. Cho ăn vừa đủ để chúng không quá béo, quá gầy
* B. Tắm chải và vận động thường xuyên.
* C. Khai thác tinh hay cho giao phối khoa học.

###### D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 17:** Hàm lượng Ca trong khẩu phần ăn khi nuôi dưỡng, chăm sóc bò giai đoạn sinh trưởng là bao nhiêu?

###### A. 0.3 – 0.6 %

* B. 1.3 – 1.6 %
* C. 3.3 – 3.6 %
* D. 3 – 6 %

**Câu 18:** Câu nào sau đây không đúng về bước úm gà con trong quy trình nuôi gà thịt công nghiệp?

* A. Gà con 1 ngày tuổi sẽ được úm trong quây. Thời gian úm dao động 14 – 28 ngày.

###### B. Nhiệt độ quây úm cho gà 1 – 7 ngày tuổi là 28 – 30°C, sau đó tăng lên 30 – 31°C ở tuần 2, 31 – 32 °C ở tuần 3, 32 – 34°C ở tuần 4.

* C. Thức ăn cho gà úm: hàm lượng protein 21% cho gà 1 – 14 ngày tuổi, 19 % cho gà 15 – 28 ngày tuổi.
* D. Cho gà ăn 4 – 6 lần/ngày đêm. Nước cho uống tự do.

**Câu 19:** Câu nào sau đây không đúng về việc nuôi dưỡng, chăm sóc bò giai đoạn vỗ béo?

* A. Sử dụng khẩu phần ăn 60 – 70% thức ăn tinh và 30 – 40% thức ăn thô, xanh vì giai đoạn này bò tăng trưởng nhanh. Khối lượng cơ thể bò có thể tăng từ 1,3 đến 1,6 kg/con/ngày với các giống bò năng suất cao.
* B. Cuối giai đoạn này bò bắt đầu tích lũy mỡ, vì vậy không nên kéo dài thời gian nuôi.
* C. Giai đoạn vỗ béo, protein khẩu phần giảm xuống trung bình 9%.

###### D. Chuồng trại, máng ăn, máng uống cần được vệ sinh định kì. Tẩy giun, sán cho bò sau khi vỗ béo. Tiêm vaccine phòng các bệnh: chướng hơi dạ cỏ, tụ huyết trùng, bại liệt, 4 lần/năm.

**Câu 20:** Đâu là công thức tính lượng thức ăn dự trũ cho bò thịt vào vụ đông xuân?

* A. Lượng thức ăn dự trữ = [Lượng thức ăn thu nhận (theo dạng tươi)/bò/ngày + Lượng thức ăn thu nhận (theo dạng khô))/bò/ngày] x số lượng bò x số ngày cho ăn

###### B. Lượng thức ăn dự trữ = Lượng thức ăn thu nhận (theo dạng tươi)/bò/ngày x số lượng bò x số ngày cho ăn

* C. Lượng thức ăn dự trữ = Lượng thức ăn có thể mua / số lượng bò / số ngày ăn
* D. Tất cả các đáp án trên.

Bài 18 Chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP

**Câu 1:** Các bước trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là

###### A. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi -> Chuẩn bị con giống -> Nuôi dưỡng và chăm sóc -> Quản lí dịch bệnh -> Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường -> Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc -> Kiểm tra nội bộ.

* B. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi -> Chuẩn bị con giống -> Nuôi dưỡng và chăm sóc -> Quản lí dịch bệnh -> Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường -> Kiểm tra nội bộ -> Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc
* C. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi -> Chuẩn bị con giống -> Nuôi dưỡng và chăm sóc -> Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường -> Quản lí dịch bệnh -> Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc -> Kiểm tra nội bộ.
* D. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi -> Chuẩn bị con giống -> Nuôi dưỡng và chăm sóc -> Quản lí dịch bệnh -> Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc -> Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường -> Kiểm tra nội bộ.

**Câu 2:** Lợi ích của chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là

* A.  Đảm bảo vật nuôi được nuôi dưỡng để đạt được các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.
* B. Đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng.
* C. Bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

###### D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 3:** Theo tiêu chuẩn VietGAP, con giống được lựa chọn phải:

* A. Phù hợp với mục đích chăn nuôi
* B. Có nguồn gốc rõ ràng
* C. Có các đặc tính di truyền tốt và khoẻ mạnh

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 4:** Theo tiêu chuẩn VietGAP, địa điểm chăn nuôi cần phải đảm bảo tiêu chí nào?

* A. Yên tĩnh, xa khu dân cư, trường học, bệnh viện, nơi tụ tập đông người,... và không gây ô nhiễm khu dân cư
* B. Giao thông thuận tiện cho chuyên chở trang thiết bị, nguyên liệu, vật nuôi.
* C. Vị trí cao ráo, thoát nước tốt và có đủ nguồn nước sạch cho vật nuôi.

###### D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 5:** Theo tiêu chuẩn VietGAP, ý nào sau đây đúng về yêu cầu khi xây dựng khu chăn nuôi?

###### A. Phải có tường hoặc hàng rào bao quanh, cổng ra vào có hố khử trùng.

* B. Bố trí trộn lẫn các khu: khu chuồng trại, khu cách li vật nuôi bệnh, khu cho nhân viên kĩ thuật, kho bảo quản thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y, khu khử trùng, thay quần áo cho công nhân, khu tập kết và xử lí chất thải và các khu phụ trợ khác (nếu có).
* C. Phải đảm bảo năng suất và chất lượng mỗi khi vật nuôi được xuất chuồng.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 6:** Theo tiêu chuẩn VietGAP, chuồng trại phải được thiết kế phù hợp với:

* A. Mục đích sản xuất, cơ chế vận hành nhà máy, khả năng tài chính.

###### B. Từng lứa tuổi, đối tượng vật nuôi và mục đích sản xuất.

* C. Đối tượng vật nuôi, quy mô sản xuất và tình trạng của thị trường.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 7:** Câu nào sau đây không đúng về việc chuẩn bị con giống theo tiêu chuẩn VietGAP?

* A. Nhập con giống cần tuân thủ các quy định gồm: giấy kiểm dịch, có công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo, có quy trình chăn nuôi cho từng giống.

###### B. Giống mới không được cách li, cần nuôi cùng với giống cũ để hoà nhập ngay.

* C. Giống vật nuôi được đánh dấu để quản lí.
* D. Áp dụng phương thức quản lí “cùng vào – cùng ra” theo thứ tự ưu tiên: cả khu → từng dãy chuồng → từng chuồng → từng ô.

**Câu 8:** Theo tiêu chuẩn VietGAP, vật nuôi được chăm sóc theo quy trình phù hợp với:

* A. Nhu cầu của thị trường và khả năng đáp ứng của trang trại
* B. Năng lực của nhân viên và thiết bị máy móc

###### C. Đặc điểm sinh lí và từng giai đoạn sinh trưởng

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 9:**  Theo tiêu chuẩn VietGAP, câu nào sau đây đúng về yêu cầu khi nuôi dưỡng?

* A. Cung cấp khẩu phần ăn đầy đủ dinh dưỡng theo tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu của từng loại vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng.
* B. Thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, sạch, an toàn, không chứa độc tố nấm mốc, vi sinh vật có hại, kháng sinh và chất cấm.
* C. Nước uống được cung cấp đầy đủ và đạt tiêu chuẩn vệ sinh.

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 10:** Thực hiện kiểm tra nội bộ mỗi năm một lần bao gồm:

* A. Thu thập những kết quả tốt và loại bỏ những điểm chưa đạt

###### B. Đánh giá hồ sơ lưu trữ và đánh giá hoạt động thực tế của trang trại

* C. Công tác làm việc với các bộ ngành liên quan và hoạt động tìm hiểu thị trường
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 11:** So với các quy trình chăn nuôi thông thường, chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP:

###### A. Yêu cầu chặt chẽ về an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ môi trường

* B. Yêu cầu tính ứng dụng cao của công nghệ thông tin trong chăm sóc và quản lí vật nuôi.
* C. Đánh giá cao năng suất và giá thành hơn là việc bảo vệ môi trường.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 12:** Bước cuối cùng trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì?

* A. Nuôi dưỡng và chăm sóc
* B. Quản lí dịch bệnh
* C. Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường

###### D. Lưu trữ hồ sơ – Kiểm tra nội bộ

**Câu 13:** Lập hồ sơ để ghi chép, theo dõi, lưu trữ thông tin trong suốt quá trình chăn nuôi, từ khâu nhập giống đến xuất bán sản phẩm không nhằm phục vụ cho hoạt động:

* A. Kiểm tra nội bộ
* B. Đánh giá ngoài
* C. Truy xuất nguồn gốc

###### D. Ngăn chặn khiếu nại

**Câu 14:** Theo tiêu chuẩn VietGAP, ý nào sau đây không đúng về yêu cầu khi xây dựng chuồng nuôi?

* A. Sàn và lối đi được làm bằng vật liệu an toàn, không trơn trượt.
* B. Hệ thống tường, mái, rèm che phải đảm bảo không bị dột, thấm, không bị mưa hắt, gió lùa và dễ làm vệ sinh.

###### C. Xây dựng hệ thống cung cấp thức ăn và nước uống không dễ cho vật nuôi tiếp cận được nhằm cải thiện khả năng vận động.

* D. Dụng cụ, thiết bị phải dùng riêng cho từng khu chăn nuôi, phải đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh, khử trùng.

**Câu 15:** Phương thức quản lí "cùng vào - cùng ra" theo thứ tự ưu tiên nào sau đây?

* A. cả khu → từng chuồng → từng dãy chuồng → từng ô
* B. từng ô → từng chuồng → từng dãy chuồng → cả khu

###### C. cả khu → từng dãy chuồng → từng chuồng → từng ô

* D. từng ô → từng dãy chuồng → từng chuồng → cả khu

**Câu 16:** Đâu là một yêu cầu trong quản lí dịch bệnh theo tiêu chuẩn VietGAP?

###### A. Xây dựng kế hoạch kiểm soát động vật, loài gặm nhấm và côn trùng gây hại gồm: côn trùng, chuột, động vật hoang và các vật nuôi khác như chó, mèo.

* B. Vận chuyển vật nuôi bằng các phương tiện đơn sơ nhằm hạn chế lây lan dịch bệnh ra cộng đồng.
* C. Khi một con vật có dấu hiệu bị bệnh, cần phải tiêu huỷ toàn bộ trang trại nhằm tránh lây nhiễm diện rộng.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 17:** Dưới đây là những yêu cầu để quản lí dịch bệnh đối với một trang trại theo tiêu chuẩn VietGAP. Ý nào không đúng?

* A. Phải có quy trình phòng bệnh phù hợp với từng đối tượng nuôi

###### B. Có nguồn cung tài chính từ các công ty lớn cùng ngành

* C. Có đầy đủ trang thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc, khử trùng
* D. Có bác sĩ thú y theo dõi sức khoẻ vật nuôi

**Câu 18:** Bước đầu tiên trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì?

* A. Chuẩn bị con giống

###### B. Chuẩn bị chuồng trại và thiết bị chăn nuôi

* C. Chuẩn bị hồ sơ lưu trữ
* D. Chuẩn bị công tác kiểm tra, đánh giá

**Câu 19:** Các quy định về lựa chọn địa điểm chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP có tác dụng gì?

* A. Giúp các trang trại có thể thoái mải làm tất cả những gì mình muốn mà không phải quan tâm tới ai.
* B. Giúp các trang trại tạo dựng mối quan hệ tốt với cộng đồng dân cư và các quan chức địa phương.

###### C. Giúp các trang trại dễ kiểm soát dịch bệnh, đảm bảo về an toàn sinh học và tôn trọng cộng đồng.

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 20:** Bước cuối cùng trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP là gì?

* A. Nuôi dưỡng và chăm sóc
* B. Quản lí dịch bệnh
* C. Quản lí chất thải và bảo vệ môi trường

###### D. Lưu trữ hồ sơ – Kiểm tra nội bộ

 Bài 19 Chăn nuôi công nghệ cao

**Câu 1:** Đâu không phải công nghệ cao trong chăn nuôi

* A. Mô hình chăn nuôi gà đẻ thu trứng tự động.
* B. Mô hình sử dụng robot trong chăn nuôi bò.

###### C. Mô hình chăn nuôi dê gắn chip.

* D. Mô hình chăn nuôi bò sữa gắn chip.

**Câu 2:** Ảnh a dưới đây đề cập đến công nghệ cao nào



###### A. Chip sinh học.

* B. Công nghệ tự đông hóa thu gom sản phẩm.
* C. Công nghệ tự đông hóa tắm mát.
* D. Công nghệ tự đông hóa vệ sinh chuồng trại.

**Câu 3:** Chăn nuôi công nghệ cao được ứng dụng phổ biến trong:

###### A. Chăn nuôi tập trung công nghiệp, quy mô lớn

* B. Chăn nuôi quy mô nhỏ nhưng đòi hỏi sự chính xác cao
* C. Chăn nuôi kiểu hợp tác xã
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 4:** Lợi ích của chăn nuôi công nghệ cao là gì?

* A. Giúp thuận tiện trong quản lí vật nuôi
* B. Giúp thuận tiện trong kiểm soát chất lượng sản phẩm
* C. Dễ Dàng truy xuất nguồn gốc

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 5:** Ý nghĩa của việc sử dụng chip điện tử trong chăn nuôi lợn

* A. Lợn nái mang thai được nuôi theo nhóm, được tự do đi lại, ăn uống và sinh hoạt thoải mái
* B. Đảm bảo việc đối xử nhân đạo với vật nuôi
* C. Tránh lãng phí thức ăn.
* D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 6:** Ảnh d dưới đây đề cập đến công nghệ cao nào



* A. Chip sinh học.
* B. Công nghệ tự đông hóa thu gom sản phẩm.
* C. Công nghệ tự đông hóa tắm mát.

###### D. Công nghệ tự đông hóa vệ sinh chuồng trại.

**Câu 7:** Câu nào sau đây không đúng về chuồng nuôi lợn áp dụng công nghệ cao?

* A. Chuồng nuôi được lợp mái tôn kẽm hoặc tôn lạnh cách nhiệt.
* B. Một đầu dãy chuồng có hệ thống giàn lạnh gồm các tấm làm mát, nước chảy trong hệ thống này giúp không khí được làm mát trước khi đi vào chuồng.

###### C. Đầu kia của dãy chuồng được bố trí hệ thống quạt gió công nghiệp để thổi khí nóng, O2 trong chuồng ra ngoài.

* D. Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động giúp duy trì nhiệt độ chuồng nuôi luôn ổn định ở mức 20-27°C.

**Câu 8:** Đây là hệ thống cung cấp thức ăn tự động cho lợn:

Số 1 là gì?

###### A. Silo

* B. Đường truyền tải thức ăn
* C. Máng ăn tự động
* D. Hệ thống điện

**Câu 9:** Chăn nuôi công nghệ cao là:

* A. Là mô hình chăn nuôi đáp ứng đủ mọi quy chuẩn của Cách mạng công nghiệp 4.0.

###### B. Là mô hình chăn nuôi ứng dụng các công nghệ, máy móc hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi và giảm nhân công lao động.

* C. Là yếu tố nền tảng của xây dựng một đất nước có sự tự chủ cao, không lo ràng buộc với các nước trên thế giới.
* D. Cả B và C.

**Câu 10:** Trong chuồng nuôi lợn áp dụng công nghệ cao, các thông tin về tiểu khí hậu chuồng nuôi (nhiệt độ, độ ẩm, bụi,...), thông tin về đàn lợn (giống, tình trạng sức khoẻ, năng suất, dịch bệnh,...) được giám sát nhờ:

* A. Hệ thống camera và hệ thống khử trùng tự động

###### B. Hệ thống camera và các thiết bị cảm biến trong chuồng nuôi

* C. Hệ thống cách âm và hệ thống khử trùng tự động
* D. Hệ thống máy tính và hệ thống quạt gió

**Câu 11:** Đây là kiểu chuồng nào?

* A. Kiểu chuồng nuôi khép kín hoàn toàn nhưng chưa có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động

###### B. Kiểu chuồng nuôi khép kín hoàn toàn có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động

* C. Kiểu chuồng nuôi mở hoàn toàn có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động
* D. Kiểu chuồng nuôi kín – mở linh hoạt với hệ thống điều tiết theo thời tiết

**Câu 12:** Ở trong chuồng nuôi bò sữa hiện đại, nền chuồng được trải các tấm cao su lót sàn giúp:

###### A. Vệ sinh dễ dàng và tránh trơn trượt

* B. Hấp thu độ ẩm, tránh thoát khí độc ra môi trường
* C. Khống chế lượng rác thải do bò tạo ra
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 13:** Đây là hệ thống vắt sữa tự động trong trang trại bò sữa:

Số 3 trong hình là gì?

###### A. Hệ thống ống dẫn

* B. Ống dẫn chân không
* C. Bơm chân không
* D. Bồn chứa sữa lạnh

**Câu 14:** Ở mô hình chăn nuôi gà đẻ công nghệ cao, gà được nuôi tập trung trong:

###### A. Chuồng kín có hệ thống kiểm soát nhiệt độ tự động và hệ thống camera giám sát

* B. Chuồng kín có hệ thống biến đổi tiểu khí hậu và hệ thống cảm biến
* C. Chuồng hở có hệ thống lưu thông gió và hệ thống camera giám sát
* D. Chuồng hở có hệ thống cảm biến tác động môi trường xung quanh

**Câu 15:** Câu nào sau đây không đúng về hệ thống thu trứng tự động trong chuồng nuôi gà đẻ công nghệ cao?

###### A. Hệ thống thu trứng tự động thường được áp dụng trong các trang trại gà đẻ nuôi chăn thả ngoài trời.

* B. Trứng từ các khu vực chuồng nuôi sẽ được thu gom tự động và theo hệ thống băng tải chuyển về khu xử lí để xếp khay.
* C. Quy trình khép kín bao gồm xử lí trứng qua máy soi, cân và phân loại trứng theo trọng lượng. Khi soi qua thiết bị hiện đại, trứng được tiệt trùng bằng tia UV, loại bỏ trứng có tia máu, nứt vỡ, tránh bị vi khuẩn xâm nhập.
* D. Hệ thống có chức năng rửa và vệ sinh tự động, thiết bị máy móc luôn sạch sẽ, đảm bảo trứng chất lượng cao – sạch - an toàn đến tay người tiêu dùng.

**Câu 16:** Câu nào sau đây không đúng về nguyên lí hoạt động / mục đích sử dụng của hệ thống cung cấp thức ăn tự động cho lợn?

* A. Thức ăn được bảo quản trong silo. Các silo được kết nối với hệ thống cân điện tử để giám sát lượng thức ăn cấp vào và lấy ra hằng ngày cũng như lượng thức ăn tồn trong silo.

###### B. Thức ăn từ máng thức ăn theo hệ thống đường truyền vật tải, xích tải đến hộp định lượng silo ở cuối đường truyền. Hộp nhận silo được gắn cảm biến, giúp định lượng thức ăn cho lợn theo hạn mức cài đặt.

* C. Thức ăn được cấp từ hộp định lượng xuống máng ăn.
* D. Hệ thống này sử dụng cho thức ăn khô, dạng viên và dạng bột.

**Câu 17:** Câu nào sau đây không đúng về chuồng nuôi bò sữa áp dụng công nghệ cao?

###### A. Bò sữa được nuôi trong hệ thống chuồng nửa kín nửa hở năm dãy có hệ thống thay đổi tiểu khí hậu chuồng nuôi.

* B. Hệ thống làm mát tự động được lập trình dựa vào các cảm biến khí hậu trong và ngoài chuồng nuôi.
* C. Mỗi con bò được gắn chíp điện tử để kiểm soát tình trạng sức khoẻ, phát hiện động dục ở bò cái.
* D. Khu vực vắt sữa tách riêng với khu vực nuôi bò và khép kín hoàn toàn.

**Câu 18:** Câu nào sau đây không đúng về nguyên lí hoạt động của hệ thống vắt sữa tự động trong trang trại bò sữa?

###### A. Khởi động hệ thống cảm biến để tạo ra luồng khí CO2 kích hoạt quá trình hút sữa.

* B. Đưa bò vào nhà vắt sữa. Mỗi con bò có một chíp cảm biến ở cổ giúp hệ thống nhận diện và thu thập thông tin cá nhân. Bỏ sữa được vệ sinh bầu vú trước khi vắt sữa.
* C. Gắn các đầu núm hút sữa vào vú bò. Sữa sau khi vắt sẽ được thu gom qua hệ thống ống dẫn vào các bồn chứa lạnh để bảo quản. Sữa từ bồn chứa lạnh sẽ được bơm vào các xe bồn lạnh và được vận chuyển tới nhà máy chế biến.
* D. Khi phát hiện bò hết sữa, thiết bị sẽ tự tách cụm núm hút sữa ra và kết thúc quá trình vắt sữa.

**Câu 19:** Khu vực vắt sữa ở chuồng nuôi bò sữa công nghệ cao như thế nào?

###### A. tách riêng với khu vực nuôi bò và khép kín hoàn toàn

* B. trong cùng khu vực nuôi bò và khép kín hoàn toàn
* C. trong cùng khu vực nuôi bò và bán khép kín
* D. tách riêng với khu vực nuôi bò và bán khép kín

**Câu 20:** Trong chăn nuôi lợn công nghệ cao, công nghệ nào được ứng dụng trong xây dựng kiểu chuồng kín có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu tự động và chế tạo các trang thiết bị chăn nuôi như hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống?

* A. Công nghệ AI
* B. Công nghệ HyperFrame

###### C. Công nghệ cơ khí tự động hoá

* D. Công nghệ chuồng nuôi tự động

Bài 20 Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi

**Câu 1:** Mục đích của bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi

* A. Giúp sản phẩm tươi ngon hơn
* B. Giúp sản phẩm không bị hòng

###### C. Làm chậm quá trình hư hỏng, kéo dài thời gian sử dụng

* D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 2:** Phương pháp dùng để bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi

* A. Công nghệ bảo quản lạnh
* B. Công nghệ xử lý nhiệt độ thấp

###### C. Cả A, B đều đúng

* D. Cả A, B đều sai

**Câu 3:** Các bước bảo quản sữa tươi từ trang trại đến cơ sở chế biến sữa

###### A. Lọc sữa -> Làm lạnh -> Vận chuyển

* B. Lọc sữa -> Làm ấm -> Vận chuyển
* C. Làm lạnh -> Vận chuyển
* D. Lọc sữa -> Vận chuyển

**Câu 4:** Xúc xích được chế biến từ thịt bò, thịt lợn hoặc thịt gà kết hợp với gia vị và hương liệu bằng phương pháp:

###### A. Nhồi thịt vào vỏ collagen hoặc cellulose

* B. Nhồi bánh đúc
* C. Nhồi lòng lợn
* D. Xay nhuyễn và trộn hỗn hợp

**Câu 5:** Câu nào sau đây đúng về công nghệ chế biến xúc xích công nghiệp?

* A. Trong quy trình chế biến xúc xích, công nghệ cơ giới, tự động hoá được ứng dụng ở tất cả các bước từ khâu sơ chế, xay thịt, phối trộn, nhồi, làm chín và đóng gói xúc xích.
* B. Dây chuyền chế biến gồm hệ thống các máy móc công nghiệp hiện đại như máy cắt, nghiền, máy trộn tốc độ cao, máy nhồi đùn xúc xích chân không có hệ thống thắt nút vỏ tự động, hệ thống máy hấp tiệt trùng và xông khỏi xúc xích điều khiển tự động.
* C. Xúc xích thành phẩm được đóng gói chân không bằng dây chuyền đóng gói tự động, năng suất cao.

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 6:** Khi muối trứng, nếu chúng ta chuẩn bị nguyên liệu là 10 quả trứng gà, 1.5l nước, 250g muối ăn thì ta cần bao nhiêu rượu trắng?

* A. 5 ml rượu trắng

###### B. 50 ml rượu trắng

* C. 0.5l rượu trắng
* D. 1.5l rượu trắng

**Câu 7:** Công nghệ khử nước là:

* A. Công nghệ làm sạch sản phẩm chăn nuôi trước khi đưa vào bảo quản nhằm duy trì sự tươi mới.
* B. Phương pháp tách nước khỏi sản phẩm chăn nuôi để duy trì nguyên dạng của vật chất khô.

###### C. Phương pháp tách nước khỏi sản phẩm chăn nuôi để bảo quản dưới dạng bột.

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 8:** Thời gian bảo quản < 48 giờ là của loại sản phẩm nào?

* A. Thịt mát
* B. Trứng gà tươi

###### C. Sữa tươi nguyên liệu

* D. Sữa tươi thanh trùng

**Câu 9:** Ảnh dưới đây đề cập đến công nghệ cao nào

* A. Chip sinh học.
* B. Công nghệ tự đông hóa thu gom sản phẩm.
* C. Công nghệ tự đông hóa tắm mát.

###### D. Công nghệ tự đông hóa vệ sinh chuồng trại.

**Câu 10:** Nhiệt độ kho để bảo quản thịt mát là bao nhiêu?

* A. -5 – 0°C

###### B. 0 – 4°C

* C. 4 – 10°C
* D. 10 - 15°C

**Câu 11:** Độ ẩm kho 70 – 80% là yêu cầu bảo quản của loại sản phẩm nào?

* A. Thịt đông lạnh

###### B. Trứng gà tươi

* C. Trứng gà đã qua chế biến
* D. Sữa tươi thanh trùng

**Câu 12:** Đây là quy trình chế biến sữa chua công nghiệp:

Số 1 là gì?

* A. Lọc loại bỏ tạp chất, váng sữa

###### B. Nhập nguyên liệu: sữa tươi, sữa bột

* C. Khử trùng Pasteur: 90 - 95°C / 3 – 5 phút → làm nguội 38 – 42°C
* D. Đồng hoá: phân tán mỡ trong sữa, hoà tan sữa bột

**Câu 13:** Đây là quy trình chế biến sữa chua công nghiệp:

Số 7 là gì?

* A. Bổ sung giống vi khuẩn lactac → lên men
* B. Làm lạnh 15 – 20°C, kết thúc lên men

###### C. Bổ sung phụ gia → chuyển đến bồn rót

* D. Đóng hộp, bao gói → sữa chua thành phẩm

**Câu 14:** Câu nào sau đây không đúng về quy trình chế biến phô mai ứng dụng công nghệ lên men lactic?

###### A. Quy trình chế biến phô mai được chia thành 4 giai đoạn chính: (1) giai đoạn giãn nở, (2) giai đoạn thêm nước, bổ sung whey và giã đông sữa, (3) giai đoạn muối phô mai và (4) giai đoạn ủ chín.

* B. Trong quy trình chế biến, hệ thống bồn chứa sữa lạnh và các thiết bị khử trùng tự động hiện đại giúp đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh cho sữa trước khi chế biến.
* C. Dây chuyền lên men tự động để làm chua và đông tụ sữa được áp dụng để tăng năng suất và đảm bảo chất lượng của phô mai. Các giống vi khuẩn lactic và enzyme thương mại được sử dụng giúp làm đông tụ nhanh chóng protein trong sữa.
* D. Các giai đoạn khử nước, tách whey, cắt và ép sữa đông cũng được thực hiện bằng hệ thống dây chuyền tự động có kiểm soát chất lượng.

**Câu 15:** Thời gian bảo quản của thịt đông lạnh là bao nhiêu?

* A. 15 – 30 ngày
* B. 1 – 2 tháng
* C. 2 – 6 tháng

###### D. 6 – 18 tháng

**Câu 16:** Câu nào sau đây là nội dung của bước “Đông tụ sữa” trong chế biến phô mai tươi không ủ chín?

* A. Cho sữa tươi vào nồi, đun nóng sữa ở 50 – 60 °C. Chú ý không đun sôi sữa.
* B. Đợi sữa nguội đến khoảng 40 – 45 °C, cho từ từ nước cốt chanh hoặc dấm vào. Vừa rót vừa khuấy đều theo một chiều, đậy nắp nồi và ủ sữa trong 10 – 15 phút để sữa đông vón. Phần sữa đông vón màu trắng và phần nước màu vàng.
* C. Đặt rây lên trên âu hoặc bát, lót khăn vải hoặc khăn xô lên rây. Dùng thìa hoặc muôi múc hết khối sữa đông cho vào rây, bọc khăn lại ép cho hết nước để thu được phô mai tươi.

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 17:** Đóng gói với bao bì chuyên dụng là yêu cầu bảo quản đối với loại sản phẩm nào?

* A. Thịt mát
* B. Thịt tái
* C. Sữa tươi nguyên liệu

###### D. Sữa tươi thanh trùng

**Câu 18:** Công nghệ khử nước được ứng dụng cho bảo quản:

###### A. Sản phẩm sữa

* B. Các loại thịt gà
* C. Các loại thịt lợn
* D. Sản phẩm lòng trứng

**Câu 19:** Sản phẩm được bảo quản bằng phương pháp HPP có ưu điểm gì?

* A. An toàn và giữ được hương vị tươi ngon. Thời gian bảo quản đến 1 năm.

###### B. An toàn và giữ được hương vị tươi ngon. Thời gian bảo quản đến 120 ngày.

* C. Chi phí thấp và giữ được độ đàn hồi, hình dạng. Thời gian bảo quan đến 1 năm.
* D. Chi phí thấp và giữ được độ đàn hồi, hình dạng. Thời gian bảo quan đến 120 ngày.

**Câu 20:** Nhiệt độ kho để bảo quản trứng gà tươi là bao nhiêu?

* A. 0 – 6°C
* B. 6 – 12°C

###### C. 10 – 13°C

* D. 14 – 20°

### CHƯƠNG VI - BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI

 Bài 21 Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

**Câu 1:** Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi

* A. Khí thải của vật nuôi
* B. Phân, nước tiểu của vật nuôi
* C. Xác của vật nuôi

###### D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 2:** Ý nào sao đây không đúng khi nói đến tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong chăn nuôi?

* A. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi làm giảm tỉ lệ mắc bệnh và nguy cơ bùng phát dịch bệnh
* B. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ngăn chặn gây ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm đất và không khí.

###### C. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi giúp vật nuôi sinh trưởng nhanh hơn

* D. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi làm giảm các chi phí phòng, trị bệnh.

**Câu 3:** Nguyên nhân chính gây ra ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi là do:

* A. Hệ thống pháp luật về chăn nuôi ở các nước vẫn còn rất yếu kém
* B. Sự thiếu hiểu biết của người chăn nuôi về nguy cơ biến đổi khí hậu do chăn nuôi

###### C. Nguồn chất thải trong chăn nuôi không được quản lí và xử lí đúng kĩ thuật

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 4:** Câu nào sau đây không đúng?

* A. Chăn nuôi phát thải các nguồn gây ô nhiễm môi trường, gây mất cân bằng sinh thái và gây biến đổi khí hậu toàn cầu

###### B. Hiện nay, có nhiều biện pháp xử lí chất thải chăn nuôi như: công nghệ chống tia UV, bón phân chuồng, loại bỏ chế phẩm sinh học,... giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

* C. Chất thải chăn nuôi là một trong những nguồn gây ô nhiễm môi trường, gây biến đổi khí hậu, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người và vật nuôi.
* D. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi là việc làm rất cần thiết.

**Câu 5:** Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi cần phải kiểm soát tốt ba loại chất thải, đó là:

###### A. Chất thải rắn, chất thải lỏng, chất thải khí

* B. Chất thải rắn, chất thải lỏng, chất thải độc
* C. Chất thải khí, chất thải độc, chất thải hoá học
* D. Chất thải hoá học, chất thải vật lí, chất thải sinh học

**Câu 6:** Câu nào sau đây không đúng về tình hình ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi?

* A. Lượng thức ăn thừa, xác vật nuôi, vật dụng chăm sóc,... là một yếu tố làm tăng lượng chất thải.

###### B. Người ta ước tính rằng chỉ có khoảng 90% lượng chất thải chăn nuôi được xử lí, phần còn lại được thải trực tiếp ra môi trường.

* C. Chăn nuôi là nguồn phát sinh chất thải rất lớn.
* D. Khối lượng chất thải của lợn nuôi ở trang trại thải vào môi trường ở Việt Nam năm 2017 là 1.606 triệu tấn.

**Câu 7:** Chất thải chăn nuôi được xử lí đúng kĩ thuật có thể tạo ra:

* A. Nguồn phân bón hữu cơ tốt cho cây trồng
* D. Nguồn khí sinh học làm nhiên liệu
* C. Nguồn nguyên liệu cho xây dựng

###### D. Cả A và B.

**Câu 8:** Nguồn tài nguyên từ việc xử lí chất thải chăn nuôi đúng kĩ thuật giúp:

* A. Giảm chi phí mua phân bón và nhiên liệu
* B. Giảm chi phí chăm sóc sức khoẻ liên quan đến các bệnh do chất thải chăn nuôi
* C. Giúp phục hồi các hệ sinh thái bị hư hại và môi trường bị ô nhiễm do chất thải chăn nuôi

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 9:** Câu nào sau đây không đúng về khối lượng chất thải của vật nuôi thải vào môi trường ở Việt Nam năm 2017 (loại hình chăn nuôi: hộ gia đình)?

* A. Lợn: 8.755 triệu tấn

###### B. Gia cầm: 56.68 triệu tấn

* C. bò: 6.025 triệu tấn
* D. trâu: 5.913 triệu tấn

**Câu 10:** Dưới đây là kết quả của Dự án Cạnh tranh Chăn nuôi và An toàn Thực phẩm khi lồng ghép các biện pháp quản lí chất thải tốt. Ý nào là đúng?

* A. Tỉ lệ chết của lợn và gia cầm giảm từ 35% xuống còn 11,8%
* B. Thời gian vỗ béo cho lợn rút ngắn từ 186 ngày xuống 118 ngày

###### C. Thời gian vỗ béo cho gia cầm từ 66 ngày xuống 58 ngày

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 11:** Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi hiện nay là một vấn đề rất cấp thiết vì:

* A. Ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi ảnh hưởng tới sức khoẻ con người
* B. Ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi ảnh hưởng sức khoẻ của vật nuôi và lây lan dịch bệnh
* C. Chất thải chăn nuôi được xử lí đúng kĩ thuật sẽ giúp nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 12:** Đâu không phải chất thải lỏng trong chăn nuôi?

* A. Nước tiểu
* B. Nước tắm

###### C. Nước ao

* D. Nước rửa chuồng

**Câu 13:** Xử lí chất thải chăn nuôi đúng kĩ thuật sẽ:

* A. Giúp mối quan hệ giữa vật nuôi và con người trở nên thân thiện hơn.
* B. Loại bỏ hoàn toàn ô nhiễm môi trường.

###### C. Giúp vật nuôi sinh trưởng tốt, giảm gánh nặng bệnh tật.

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 14:** Chăn nuôi phát thải tới bao nhiêu % tổng số khí nhà kính?

###### A. 18%

* B. 35%
* C. 52%
* D. 76%

**Câu 15:** Vì sao chăn nuôi là một trong những nhân tố chính tạo ra các khí gây hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu toàn cầu?

###### A. Vì chăn nuôi phát thải một lượng lớn khí nhà kính vào môi trường.

* B. Vì các nước đầu tư ồ ạt vào chăn nuôi.
* C. Vì hầu hết ngành chăn nuôi trên thế giới không đi theo hướng hiện đại.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 16:** Chất thải chăn nuôi không được xử lí đúng kĩ thuật tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh cho vật nuôi, đặc biệt là:

###### A. Các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như: cúm gia cầm, dịch tai xanh, dịch tả lợn châu Phi,...

* B. Các bệnh liên quan đến thân thể như: các bệnh da liễu, ho, sốt, đau đầu,…
* C. Các bệnh làm suy yếu hệ miễn dịch của cơ thể người và động vật.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 17:** Biện pháp để hạn chế ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi

* A. Quy hoạch khu chăn nuôi và xây dựng hệ thống chuồng trại tốt
* B. Quy hoạch khu chăn nuôi và xây dựng hệ thống chuồng trại tốt
* C. Công tác vệ sinh, khử trùng chuồng trại

###### D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 18:** Câu nào sau đây không đúng?

* A. Chăn nuôi tạo ra 65% tổng lượng N2O do hoạt động con người tạo nên.
* B. Chăn nuôi tạo ra 37% tổng lượng CH4 do hoạt động con người tạo nên.
* C. Chăn nuôi tạo ra 64% tổng lượng CH3 do hoạt động con người tạo nên.

###### D. Chăn nuôi tạo ra 45% tổng lượng CO2 do hoạt động con người tạo nên.

**Câu 19:** Đâu không phải chất thải rắn trong chăn nuôi?

* A. Phân

###### B. Đất

* C. Chất độn chuồng
* D. Thức ăn thừa hoặc rơi vãi

**Câu 20:** Chăn nuôi phát thải tới bao nhiêu % tổng số khí nhà kính?

###### A. 18%

* B. 35%
* C. 52%
* D. 76%

Bài 22 Xử lí chất thải chăn nuôi

**Câu 1:** Đâu không phải biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi

* A. Khí sinh học (biogas) và hồ sinh học.

###### B. Ủ phân vô cơ

* C. Xử lí nhiệt.
* D. Lọc khí thải.

**Câu 2:** Sử dụng công nghệ biogas là:

###### A. Lợi dụng vi khuẩn kị khí trong bể biogas để phân huỷ chất hữu cơ.

* B. Lợi dụng vi khuẩn kị khí trong bể biogas để biến đổi các chất hữu cơ thành vô cơ.
* C. Tận dụng vi khuẩn kị khí trong bể biogas để loại bỏ toàn bộ vi khuẩn và kí sinh trùng.
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 3:** Đây là cấu tạo của bể biogas:

Số (1) là gì?

* A. Chất lơ lửng
* B. Phần sinh khí
* C. Phần váng

###### D. Bể điều áp

**Câu 4:** Đâu là vai trò của công nghệ khí sinh học trong xử lí chất thải chăn nuôi

* A. Quá trình lên men kị khí sẽ phân giải các chất hữu cơ thành khí sinh học, đồng thời tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh cho con người và vật nuôi
* B. Khí sinh học tạo ra sẽ được sử dụng cho nhiều mục đích khác như làm chất đốt, chạy máy phát điện,..
* C. Chất thải sau hầm biogas có thể được sử dụng làm phân bón.

###### D. Cả ba phương án trên

**Câu 5:** Khi sử dụng bể biogas, các vi khuẩn kị khí sẽ phân huỷ chất hữu cơ trong chất thải thành hỗn hợp khí sinh học, phần lắng cặn và nước thải. Hãy chỉ ra khí sinh học ở đây.

* A. Chủ yếu là CH3 (chiếm 60 – 70%) và các khí N2O,CO2,HCl,…
* B. Chủ yếu là CO2 (chiếm 40 – 50%) và các khí CH3,CH4,N2O,…

###### C. Chủ yếu là CH4 (chiếm 60 – 70%) và các khí CO2,N2,H2,CO,…

* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 6:** Câu nào sau đây không đúng về lợi ích của công nghệ biogas?

* A. Hệ thống biogas tạo ra một dạng khí giống khí gas tự nhiên, có thể dùng làm xăng xe.
* B. Phần lắng cặn được sử dụng làm phân bón.
* C. Nước thải sau xử lí có thể sử dụng cho ao nuôi cá hoặc tưới cây.

###### D. Sử dụng công nghệ biogas giúp bảo vệ môi trường hiệu quả.

**Câu 7:** Khi sử dụng bể biogas, các vi khuẩn kị khí sẽ phân huỷ chất hữu cơ trong chất thải thành hỗn hợp khí sinh học, phần lắng cặn và nước thải. Phần lắng cặn ở đây là:

* A. Mùn
* B. Các chất dinh dưỡng dễ hoà tan
* C. Một số nguyên tố khoáng như Cu, Zn, Fe, Mn,...

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 8:** Công nghệ biogas có hạn chế gì?

* A. Cần phải được chính quyền cấp phép, cần có kiến thức chuyên môn cao

###### B. Cần diện tích lớn, đầu tư ban đầu cao

* C. Chỉ áp dụng được với chất thải của gia súc
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 9:** Phương pháp ủ thường được áp dụng để xử lí những loại chất thải chăn nuôi nào?

###### A. Các loại chất thải hữu cơ

* B. Các loại chất thải vô cơ
* C. Cả A, B đều đúng
* D. Cả A, B đều sai

**Câu 10:** Câu nào sau đây không đúng về biện pháp xử lí chất thải chăn nuôi bằng máy ép tách phân?

###### A. Sử dụng máy ép tách phân dựa trên nguyên tắc “hấp thụ” để tách hầu hết các tạp chất nhỏ trong hỗn hợp của chất thải chăn nuôi thành những mùn có thể sử dụng lại.

* B. Phần bã sẽ được ủ thành phân hữu cơ hoặc sử dụng để nuôi động vật khác.
* C. Phần chất lỏng sẽ được đưa vào hầm biogas để xử lí tiếp.
* D. Công nghệ này là một trong những biện pháp quản lí chất thải hiệu quả đối với các trang trại chăn nuôi theo hướng công nghiệp

**Câu 11:** Câu nào sau đây không đúng về công nghệ chăn nuôi tiết kiệm nước?

* A. Công nghệ chăn nuôi trên chuồng sàn không sử dụng nước tắm cho vật nuôi, rửa chuồng nuôi nên lượng nước thải ra ít nhất.
* B. Công nghệ này sử dụng sàn có khe thoáng để phân và nước tiểu của vật nuôi thoát xuống bể chứa phân ở phía dưới.
* C. Chất thải ở trong bể nhanh chóng hình thành lớp váng trên bề mặt để ngăn mùi hôi và khí độc bốc lên. Khi bể chứa phân gần đầy thì sẽ dẫn phần chất lỏng ở trên sang một bể chứa bên ngoài thông qua hệ thống ống dẫn.

###### D. Phần chất thải đậm đặc ở dưới sẽ được bơm lên để ủ thành phân hữu cơ, hoặc ủ với acid lactic làm thức ăn nuôi gia cầm.

**Câu 12:** Câu nào sau đây không đúng về biện pháp sử dụng đệm lót sinh học?

* A. Chăn nuôi trên đệm lót sinh học là hình thức nuôi nhốt gia súc, gia cầm trên một nền đệm lót được làm bằng vật liệu hữu cơ (trấu, mùn cưa,...) trộn với chế phẩm sinh học.
* B. Sử dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi đệm lót sinh học giúp phân huỷ chất thải của vật nuôi, giảm khí độc, khử mùi hôi đồng thời giúp cân bằng hệ vi sinh vật theo hướng có lợi cho vật nuôi.

###### C. Biện pháp tuy gia tăng công lao động và lượng nước thải nhưng có lợi thế là không cần tắm cho vật nuôi và cọ rửa chuồng nuôi.

* D. Đệm lót sinh học cũng tạo môi trường thân thiện, giúp cho vật nuôi sinh trưởng và phát triển tốt.

**Câu 13:** Nhiệt độ của phương pháp ủ hỗn hợp là bao nhiêu?

* A. 100°C
* B. 65 – 70°C

###### C. 53°C

* D. 40.5°C

**Câu 14:** Đây là mô hình biogas trong chăn nuôi: Số (4) là gì?

###### A. Hầm biogas

* B. Bể chứa bùn
* C. Biogas
* D. Các bể sinh học tuỳ hệ thống: bể lắng, bể hiếu khí, hồ sinh học

**Câu 15:** Dùng chất thải chăn nuôi để nuôi một số động vật khác như giun quế, ấu trùng ruồi lính đen,... tạo ra:

###### A. Nguồn protein chất lượng cao làm thức ăn cho vật nuôi và nuôi trồng thuỷ sản

* B. Nguồn carbohydrate thô, góp phần bảo vệ môi trường và cân bằng hệ sinh thái
* C. Nguồn dưỡng chất dồi dào cho hệ thống vi sinh vật ở gần nơi xử lí chất thải
* D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 16:** Thời gian ủ của phương pháp ủ nóng là bao lâu?

* A. 15 – 20 ngày

###### B. 60 – 65 ngày

* C. 100 – 120 ngày
* D. 170 ngày

**Câu 17:** Việc xử lí chất thải lỏng bằng máy ép tách phân có lợi ích gì?

* A. Xử lí chất thải nhanh, gọn, dễ dàng, ít tốn diện tích.
* B. Giảm lượng chất lắng, giảm chi phí nạo vét và tăng tuổi thọ cho hầm biogas.
* C. Giảm ô nhiễm môi trường, tăng thêm nguồn thu nhập.

###### D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 18:** Đây là mô hình gì?

* + A. Mô hình chăn nuôi lợn áp dụng công nghệ cao

###### B. Mô hình chăn nuôi tiết kiệm nước trong chăn nuôi lợn

* + C. Mô hình khử khuẩn chuồng nuôi lợn dùng ống thoát
  + D. Mô hình dọn phân tự động cho chuồng lợn

**Câu 19:** Đây là mô hình xử lí chất thải chăn nuôi bằng máy ép tách phân:

Số (4) là gì?

* A. Bể chứa chất thải
* B. Hút phân vào máy

###### C. Lượng phân thừa được hồi về bể chứa

* D. Phân đã được ép khô, sử dụng làm phân hữu cơ

**Câu 20:** Câu nào sau đây không đúng về việc ủ phân hữu cơ bằng chế phẩm sinh học?

###### A. Sử dụng chế phẩm sinh học xử lí chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ vi sinh là một phương pháp cổ xưa, mặc dù hiện nay ít dùng nhưng vẫn rất hiệu quả.

* B. Chế phẩm sinh học sẽ giúp phân giải nhanh chất thải thành phân hữu cơ, cung cấp dinh dưỡng cho cây và cải tạo đất.
* C. Phân sau khi ủ có thể sử dụng để sản xuất phân vi sinh, phân hữu cơ khoáng,...
* D. Sử dụng chế phẩm sinh học giúp tăng cường hệ vi sinh vật có ích trong đất, đồng thời các vi sinh vật trong chế phẩm còn giúp phòng một số bệnh do nấm, tuyến trùng, gây hại cho cây trồng.